VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 ban hành Mã bưu chính quốc gia

(Tiếp theo Công báo số 573 + 574)

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26			**TỈNH HẢI DƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Hải Dương	03000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	03001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	03002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	03003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	03004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	03005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	03009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	03010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	03011
		10	Báo Hải Dương	03016
		11	Hội đồng nhân dân	03021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	03030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	03035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	03036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	03040
		16	Sở Công Thương	03041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	03042
		18	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	03043
		19	Sở Tài chính	03045
		20	Sở Thông tin và Truyền thông	03046
		21	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	03047
		22	Công an tỉnh	03049
		23	Sở Nội vụ	03051
		24	Sở Tư pháp	03052
		25	Sở Giáo dục và Đào tạo	03053
		26	Sở Giao thông vận tải	03054
		27	Sở Khoa học và Công nghệ	03055
		28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	03056
		29	Sở Tài nguyên và Môi trường	03057
		30	Sở Xây dựng	03058
		31	Sở Y tế	03060
		32	Bộ chỉ huy Quân sự	03061
		33	Ban Dân tộc	03062
		34	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	03063
		35	Thanh tra tỉnh	03064
		36	Trường chính trị tỉnh	03065
		37	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	03066
		38	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	03067
		39	Bảo hiểm xã hội tỉnh	03070
		40	Cục Thuế	03078
		41	Cục Hải quan	03079

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Thống kê	03080
		43	Kho bạc Nhà nước tỉnh	03081
		44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	03085
		45	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	03086
		46	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	03087
		47	Liên đoàn Lao động tỉnh	03088
		48	Hội Nông dân tỉnh	03089
		49	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	03090
		50	Tỉnh đoàn	03091
		51	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	03092
		52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	03093
	1		**THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Hải Dương	03100
		2	Thành ủy	03101
		3	Hội đồng nhân dân	03102
		4	Ủy ban nhân dân	03103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03104
		6	P. Trần Phú	03106
		7	P. Quang Trung	03107
		8	P. Nguyễn Trãi	03108
		9	P. Bình Hàn	03109
		10	P. Phạm Ngũ Lão	03110
		11	P. Trần Hưng Đạo	03111
		12	P. Lê Thanh Nghị	03112
		13	P. Hải Tân	03113
		14	P. Ngọc Châu	03114
		15	P. Nhị Châu	03115
		16	P. Cẩm Thượng	03116
		17	P. Thanh Bình	03117
		18	P. Tân Bình	03118
		19	P. Thạch Khôi	03119
		20	X. Tân Hưng	03120
		21	X. Nam Đồng	03121
		22	P. Ái Quốc	03122
		23	X. An Châu	03123
		24	X. Thượng Đạt	03124
		25	P. Việt Hòa	03125
		26	P. Tứ Minh	03126
		27	BCP. Hải Dương	03150
		28	BC. TMĐT Hải Dương	03151
		29	BC. Hải Tân	03152
		30	BC. Ngọc Châu	03153
		31	BC. Thanh Bình	03154
		32	BC. Tiền Trung	03155

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		33	BC. Hệ 1 Hải Dương	03199
	2		**HUYỆN THANH HÀ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thanh Hà	03200
		2	Huyện ủy	03201
		3	Hội đồng nhân dân	03202
		4	Ủy ban nhân dân	03203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03204
		6	TT. Thanh Hà	03206
		7	X. Thanh Xá	03207
		8	X. Thanh Xuân	03208
		9	X. Liên Mạc	03209
		10	X. Thanh Lang	03210
		11	X. Thanh An	03211
		12	X. Cẩm Chế	03212
		13	X. Việt Hồng	03213
		14	X. Tân Việt	03214
		15	X. Hồng Lạc	03215
		16	X. Quyết Thắng	03216
		17	X. Tiền Tiến	03217
		18	X. Thanh Hải	03218
		19	X. Tân An	03219
		20	X. Thanh Khê	03220
		21	X. An Lương	03221
		22	X. Phượng Hoàng	03222
		23	X. Thanh Sơn	03223
		24	X. Thanh Thủy	03224
		25	X. Trường Thành	03225
		26	X. Thanh Hồng	03226
		27	X. Vĩnh Lập	03227
		28	X. Thanh Cường	03228
		29	X. Thanh Bính	03229
		30	X. Hợp Đức	03230
		31	BCP. Thanh Hà	03250
		32	BC. Chợ Cháy	03251
		33	BC. Chợ Hệ	03252
	3		**HUYỆN KIM THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kim Thành	03300
		2	Huyện ủy	03301
		3	Hội đồng nhân dân	03302
		4	Ủy ban nhân dân	03303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03304
		6	TT. Phú Thái	03306
		7	X. Phúc Thành A	03307
		8	X. Kim Xuyên	03308

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		9	X. Việt Hưng	03309
		10	X. Tuấn Hưng	03310
		11	X. Thượng Vũ	03311
		12	X. Lai Vu	03312
		13	X. Cộng Hòa	03313
		14	X. Cổ Dũng	03314
		15	X. Ngũ Phúc	03315
		16	X. Kim Đính	03316
		17	X. Bình Dân	03317
		18	X. Liên Hòa	03318
		19	X. Đại Đức	03319
		20	X. Tam Kỳ	03320
		21	X. Đồng Gia	03321
		22	X. Cẩm La	03322
		23	X. Kim Tân	03323
		24	X. Kim Khê	03324
		25	X. Kim Anh	03325
		26	X. Kim Lương	03326
		27	BCP. Kim Thành	03350
		28	BC. Lai Khê	03351
		29	BC. Đồng Gia	03352
	4		**HUYỆN KINH MÔN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kinh Môn	03400
		2	Huyện ủy	03401
		3	Hội đồng nhân dân	03402
		4	Ủy ban nhân dân	03403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03404
		6	TT. Kinh Môn	03406
		7	TT. Phú Thứ	03407
		8	TT. Minh Tân	03408
		9	X. Tân Dân	03409
		10	X. Duy Tân	03410
		11	X. Hoành Sơn	03411
		12	X. Thất Hùng	03412
		13	X. Bạch Đằng	03413
		14	X. Lê Ninh	03414
		15	X. Phúc Thành B	03415
		16	X. Quang Trung	03416
		17	X. Thăng Long	03417
		18	X. Lạc Long	03418
		19	X. Hiệp Hòa	03419
		20	X. Thái Sơn	03420
		21	X. Phạm Mệnh	03421
		22	X. Hiệp Sơn	03422

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		23	X. An Sinh	03423
		24	X. Thượng Quận	03424
		25	X. An Phụ	03425
		26	X. Hiệp An	03426
		27	X. Long Xuyên	03427
		28	X. Hiến Thành	03428
		29	X. Minh Hòa	03429
		30	X. Thái Thịnh	03430
		31	BCP. Kinh Môn	03450
		32	BC. Nhị Chiểu	03451
		33	BC. Hoàng Thạch	03452
		34	BC. Thái Mông	03453
	5		**THỊ XÃ CHÍ LINH**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Chí Linh	03500
		2	Thị ủy	03501
		3	Hội đồng nhân dân	03502
		4	Ủy ban nhân dân	03503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03504
		6	P. Sao Đỏ	03506
		7	X. Văn Đức	03507
		8	P. Hoàng Tân	03508
		9	X. Hoàng Tiến	03509
		10	P. Bến Tắm	03510
		11	X. Hoàng Hoa Thám	03511
		12	X. Bắc An	03512
		13	X. Lê Lợi	03513
		14	X. Hưng Đạo	03514
		15	P. Phả Lại	03515
		16	X. Cổ Thành	03516
		17	X. Nhân Huệ	03517
		18	P. Văn An	03518
		19	P. Cộng Hòa	03519
		20	P. Chí Minh	03520
		21	P. Thái Học	03521
		22	X. An Lạc	03522
		23	X. Kênh Giang	03523
		24	X. Tân Dân	03524
		25	X. Đồng Lạc	03525
		26	BCP. Chí Linh	03535
		27	BC. Bến Tắm	03536
		28	BC. Phả Lại	03537
		29	BC. Lục Đầu Giang	03538
		30	BC. Tân Dân	03539
	6		**HUYỆN NAM SÁCH**	

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		1	BC. Trung tâm huyện Nam Sách	03550
		2	Huyện ủy	03551
		3	Hội đồng nhân dân	03552
		4	Ủy ban nhân dân	03553
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03554
		6	TT. Nam Sách	03556
		7	X. An Lâm	03557
		8	X. Phú Điền	03558
		9	X. Cộng Hòa	03559
		10	X. An Bình	03560
		11	X. Thanh Quang	03561
		12	X. Nam Tân	03562
		13	X. Nam Hưng	03563
		14	X. Hợp Tiến	03564
		15	X. Hiệp Cát	03565
		16	X. Nam Chính	03566
		17	X. Quốc Tuấn	03567
		18	X. Nam Trung	03568
		19	X. An Sơn	03569
		20	X. Thái Tân	03570
		21	X. Minh Tân	03571
		22	X. Hồng Phong	03572
		23	X. Nam Hồng	03573
		24	X. Đồng Lạc	03574
		25	BCP. Nam Sách	03585
		26	BC. Thị Trấn Nam Sách	03586
		27	BC. Thanh Quang	03587
	7		**HUYỆN CẨM GIÀNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cẩm Giàng	03600
		2	Huyện ủy	03601
		3	Hội đồng nhân dân	03602
		4	Ủy ban nhân dân	03603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03604
		6	TT. Cẩm Giàng	03606
		7	TT. Lai Cách	03607
		8	X. Cẩm An	03608
		9	X. Đức Chính	03609
		10	X. Cẩm Sơn	03610
		11	X. Cẩm Văn	03611
		12	X. Cẩm Vũ	03612
		13	X. Cẩm Định	03613
		14	X. Cẩm Hoàng	03614
		15	X. Thạch Lỗi	03615
		16	X. Cẩm Hưng	03616

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		17	X. Ngọc Liên	03617
		18	X. Kim Giang	03618
		19	X. Lương Điền	03619
		20	X. Cẩm Điền	03620
		21	X. Cẩm Phúc	03621
		22	X. Tân Trường	03622
		23	X. Cẩm Đông	03623
		24	X. Cẩm Đoài	03624
		25	BCP. Cẩm Giàng	03630
		26	BC. Văn Thai	03631
		27	BC. Cầu Ghẽ	03632
		28	BC. Cẩm Giàng Ga	03633
		29	BC. Phúc Điền	03634
		30	BC. Đông Giao	03635
	8		**HUYỆN GIA LỘC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Gia Lộc	03650
		2	Huyện ủy	03651
		3	Hội đồng nhân dân	03652
		4	Ủy ban nhân dân	03653
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03654
		6	TT. Gia Lộc	03656
		7	X. Gia Khánh	03657
		8	X. Gia Lương	03658
		9	X. Tân Tiến	03659
		10	X. Gia Xuyên	03660
		11	X. Gia Tân	03661
		12	X. Liên Hồng	03662
		13	X. Thống Nhất	03663
		14	X. Trùng Khánh	03664
		15	X. Yết Kiêu	03665
		16	X. Gia Hòa	03666
		17	X. Phương Hưng	03667
		18	X. Toàn Thắng	03668
		19	X. Lê Lợi	03669
		20	X. Phạm Trấn	03670
		21	X. Nhật Tân	03671
		22	X. Quang Minh	03672
		23	X. Đồng Quang	03673
		24	X. Đức Xương	03674
		25	X. Thống Kênh	03675
		26	X. Đoàn Thượng	03676
		27	X. Hồng Hưng	03677
		28	X. Hoàng Diệu	03678
		29	BCP. Gia Lộc	03685

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		30	BC. Đoàn Thượng	03686
		31	BC. Hồng Hưng	03687
	9		**HUYỆN BÌNH GIANG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bình Giang	03700
		2	Huyện ủy	03701
		3	Hội đồng nhân dân	03702
		4	Ủy ban nhân dân	03703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03704
		6	TT. Kẻ Sặt	03706
		7	X. Tráng Liệt	03707
		8	X. Thúc Kháng	03708
		9	X. Thái Dương	03709
		10	X. Thái Hòa	03710
		11	X. Tân Hồng	03711
		12	X. Bình Minh	03712
		13	X. Thái Học	03713
		14	X. Bình Xuyên	03714
		15	X. Nhân Quyền	03715
		16	X. Cổ Bi	03716
		17	X. Hồng Khê	03717
		18	X. Long Xuyên	03718
		19	X. Tân Việt	03719
		20	X. Hùng Thắng	03720
		21	X. Vĩnh Tuy	03721
		22	X. Vĩnh Hồng	03722
		23	X. Hưng Thịnh	03723
		24	BCP. Bình Giang	03730
		25	BC. Quán Gỏi	03731
		26	BC. Thái Học	03732
	10		**HUYỆN THANH MIỆN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thanh Miện	03750
		2	Huyện ủy	03751
		3	Hội đồng nhân dân	03752
		4	Ủy ban nhân dân	03753
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03754
		6	TT. Thanh Miện	03756
		7	X. Lam Sơn	03757
		8	X. Phạm Kha	03758
		9	X. Thanh Tùng	03759
		10	X. Đoàn Tùng	03760
		11	X. Hồng Quang	03761
		12	X. Ngô Quyền	03762
		13	X. Tân Trào	03763
		14	X. Đoàn Kết	03764

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		15	X. Lê Hồng	03765
		16	X. Cao Thắng	03766
		17	X. Chi Lăng Bắc	03767
		18	X. Chi Lăng Nam	03768
		19	X. Diên Hồng	03769
		20	X. Tiền Phong	03770
		21	X. Thanh Giang	03771
		22	X. Ngũ Hùng	03772
		23	X. Tứ Cường	03773
		24	X. Hùng Sơn	03774
		25	BCP. Thanh Miện	03780
		26	BC. Hồng Quang	03781
		27	BC. Ngũ Hùng	03782
		28	BC. Thanh Giang	03783
	11		**HUYỆN NINH GIANG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ninh Giang	03800
		2	Huyện ủy	03801
		3	Hội đồng nhân dân	03802
		4	Ủy ban nhân dân	03803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03804
		6	TT. Ninh Giang	03806
		7	X. Đồng Tâm	03807
		8	X. Vĩnh Hòa	03808
		9	X. Ninh Thành	03809
		10	X. Tân Hương	03810
		11	X. Nghĩa An	03811
		12	X. Quyết Thắng	03812
		13	X. Ứng Hoè	03813
		14	X. Ninh Hòa	03814
		15	X. Hồng Đức	03815
		16	X. Vạn Phúc	03816
		17	X. An Đức	03817
		18	X. Hoàng Hanh	03818
		19	X. Quang Hưng	03819
		20	X. Tân Quang	03820
		21	X. Văn Hội	03821
		22	X. Văn Giang	03822
		23	X. Hưng Thái	03823
		24	X. Hưng Long	03824
		25	X. Hồng Phúc	03825
		26	X. Tân Phong	03826
		27	X. Kiến Quốc	03827
		28	X. Đông Xuyên	03828
		29	X. Ninh Hải	03829

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		30	X. Hồng Dụ	03830
		31	X. Hồng Thái	03831
		32	X. Hồng Phong	03832
		33	X. Hiệp Lực	03833
		34	BCP. Ninh Giang	03850
		35	BC. Cầu Ràm	03851
		36	BC. Kiến Quốc	03852
	12		**HUYỆN TỨ KỲ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tứ Kỳ	03900
		2	Huyện ủy	03901
		3	Hội đồng nhân dân	03902
		4	Ủy ban nhân dân	03903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	03904
		6	TT. Tứ Kỳ	03906
		7	X. Đông Kỳ	03907
		8	X. Quang Phục	03908
		9	X. Bình Lăng	03909
		10	X. Tái Sơn	03910
		11	X. Hưng Đạo	03911
		12	X. Đại Đồng	03912
		13	X. Kỳ Sơn	03913
		14	X. Ngọc Sơn	03914
		15	X. Ngọc Kỳ	03915
		16	X. Tân Kỳ	03916
		17	X. Dân Chủ	03917
		18	X. Quảng Nghiệp	03918
		19	X. Đại Hợp	03919
		20	X. Quang Khải	03920
		21	X. Minh Đức	03921
		22	X. Tây Kỳ	03922
		23	X. Văn Tố	03923
		24	X. Phượng Kỳ	03924
		25	X. Hà Kỳ	03925
		26	X. Hà Thanh	03926
		27	X. Tiên Động	03927
		28	X. Nguyên Giáp	03928
		29	X. Quang Trung	03929
		30	X. Cộng Lạc	03930
		31	X. An Thanh	03931
		32	X. Tứ Xuyên	03932
		33	BCP. Tứ Kỳ	03950
		34	BC. Hưng Đạo	03951
		35	BC. Cầu Xe	03952

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
27			**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Hải Phòng	04000
		2	Ủy ban Kiểm tra thành ủy	04001
		3	Ban Tổ chức thành ủy	04002
		4	Ban Tuyên giáo thành ủy	04003
		5	Ban Dân vận thành ủy	04004
		6	Ban Nội chính thành ủy	04005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	04009
		8	Thành ủy và Văn phòng thành ủy	04010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	04011
		10	Báo Hải Phòng	04016
		11	Hội đồng nhân dân	04021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	04030
		13	Tòa án nhân dân thành phố	04035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân thành phố	04036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	04040
		16	Sở Công Thương	04041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	04042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	04043
		19	Sở Ngoại vụ	04044
		20	Sở Tài chính	04045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	04046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao	04047
		23	Sở Du lịch	04048
		24	Công an thành phố	04049
		25	Sở cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	04050
		26	Sở Nội vụ	04051
		27	Sở Tư pháp	04052
		28	Sở Giáo dục và Đào tạo	04053
		29	Sở Giao thông vận tải	04054
		30	Sở Khoa học và Công nghệ	04055
		31	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	04056
		32	Sở Tài nguyên và Môi trường	04057
		33	Sở Xây dựng	04058
		34	Sở Y tế	04060
		35	Bộ chỉ huy Quân sự	04061
		36	Ngân hàng nhà nước chi nhánh thành phố	04063
		37	Thanh tra thành phố	04064
		38	Trường chính trị Tô Hiệu	04065
		39	Cơ quan đại diện của Thông tấn Xã Việt Nam	04066
		40	Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố	04067
		41	Bảo hiểm Xã hội thành phố	04070

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Thuế	04078
		43	Cục Hải quan	04079
		44	Cục Thống kê	04080
		45	Kho bạc Nhà nước thành phố	04081
		46	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	04085
		47	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	04086
		48	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	04087
		49	Liên đoàn Lao động thành phố	04088
		50	Hội Nông dân thành phố	04089
		51	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố	04090
		52	Thành đoàn	04091
		53	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	04092
		54	Hội Cựu chiến binh thành phố	04093
		55	LSQ. Cộng hòa Séc	04095
	1		**QUẬN HỒNG BÀNG**	
		1	BC. Trung tâm quận Hồng Bàng	04100
		2	Quận ủy	04101
		3	Hội đồng nhân dân	04102
		4	Ủy ban nhân dân	04103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	04104
		6	P. Hoàng Văn Thụ	04106
		7	P. Minh Khai	04107
		8	P. Quang Trung	04108
		9	P. Phan Bội Châu	04109
		10	P. Phạm Hồng Thái	04110
		11	P. Hạ Lý	04111
		12	P. Thượng Lý	04112
		13	P. Sở Dầu	04113
		14	P. Trại Chuối	04114
		15	P. Hùng Vương	04115
		16	P. Quán Toan	04116
		17	BCP. Hải Phòng	04150
		18	BCP. Hồng Bàng	04151
		19	BC. KHL Hồng Bàng	04152
		20	BC. Express Hải Phòng	04153
		21	BC. Hồng Bàng	04154
		22	BC. TMĐT Hải Phòng	04155
		23	BC. Thượng Lý	04156
		24	BC. Quán Toan	04157
		25	BC. Cảng Mới	04158
		26	BC. Nomura	04159
		27	BC. Hệ 1 Hải Phòng	04199
	2		**QUẬN NGÔ QUYỀN**	
		1	BC. Trung tâm quận Ngô Quyền	04200

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		2	Quận ủy	04201
		3	Hội đồng nhân dân	04202
		4	Ủy ban nhân dân	04203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	04204
		6	P. Máy Tơ	04206
		7	P. Lương Khánh Thiện	04207
		8	P. Cầu Đất	04208
		9	P. Lê Lợi	04209
		10	P. Lạch Tray	04210
		11	P. Đổng Quốc Bình	04211
		12	P. Đằng Giang	04212
		13	P. Gia Viên	04213
		14	P. Đông Khê	04214
		15	P. Lạc Viên	04215
		16	P. Cầu Tre	04216
		17	P. Vạn Mỹ	04217
		18	P. Máy Chai	04218
		19	BCP. Ngô Quyền	04250
		20	BC. KHL Ngô Quyền	04251
		21	BC. Ngô Quyền	04252
		22	BC. Hàng Kênh	04253
		23	BC. Nguyễn Bỉnh Khiêm	04254
		24	BC. Vạn Mỹ	04255
		25	BC. Cửa Cấm	04256
	3		**HUYỆN THỦY NGUYÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thủy Nguyên	04300
		2	Huyện ủy	04301
		3	Hội đồng nhân dân	04302
		4	Ủy ban nhân dân	04303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	04304
		6	TT. Núi Đèo	04306
		7	X. Thuỷ Đường	04307
		8	X. Hoà Bình	04308
		9	X. An Lư	04309
		10	X. Trung Hà	04310
		11	X. Thuỷ Triều	04311
		12	X. Lập Lễ	04312
		13	X. Phả Lễ	04313
		14	X. Tam Hưng	04314
		15	X. Phục Lễ	04315
		16	X. Ngũ Lão	04316
		17	TT. Minh Đức	04317
		18	X. Gia Đức	04318
		19	X. Minh Tân	04319

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		20	X. Gia Minh	04320
		21	X. Lưu Kỳ	04321
		22	X. Liên Khê	04322
		23	X. Kỳ Sơn	04323
		24	X. Lại Xuân	04324
		25	X. An Sơn	04325
		26	X. Phù Ninh	04326
		27	X. Hợp Thành	04327
		28	X. Quảng Thanh	04328
		29	X. Chính Mỹ	04329
		30	X. Lưu Kiếm	04330
		31	X. Kênh Giang	04331
		32	X. Đông Sơn	04332
		33	X. Mỹ Đồng	04333
		34	X. Cao Nhân	04334
		35	X. Kiền Bái	04335
		36	X. Hoàng Động	04336
		37	X. Lâm Động	04337
		38	X. Thiên Hương	04338
		39	X. Thuỷ Sơn	04339
		40	X. Hoa Động	04340
		41	X. Tân Dương	04341
		42	X. Dương Quan	04342
		43	BCP. Thủy Nguyên	04350
		44	BC. KHL Thủy Nguyên	04351
		45	BC. Phả Lễ	04352
		46	BC. Ngũ Lão	04353
		47	BC. Minh Đức	04354
		48	BC. Quảng Thanh	04355
		49	BC. Cầu Giá	04356
		50	BC. Trịnh Xá	04357
		51	BC. Tân Hoa	04358
		52	BC. KCN VSIP	04359
	4		**HUYỆN AN DƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện An Dương	04400
		2	Huyện ủy	04401
		3	Hội đồng nhân dân	04402
		4	Ủy ban nhân dân	04403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	04404
		6	TT. An Dương	04406
		7	X. Nam Sơn	04407
		8	X. Bắc Sơn	04408
		9	X. Tân Tiến	04409
		10	X. An Hưng	04410

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		11	X. An Hồng	04411
		12	X. Đại Bản	04412
		13	X. Lê Thiện	04413
		14	X. An Hoà	04414
		15	X. Hồng Phong	04415
		16	X. Lê Lợi	04416
		17	X. Quốc Tuấn	04417
		18	X. Đặng Cương	04418
		19	X. Hồng Thái	04419
		20	X. Đồng Thái	04420
		21	X. An Đồng	04421
		22	BCP. An Dương	04450
		23	BC. KHL An Dương	04451
		24	BC. Chợ Hỗ	04452
	5		**HUYỆN AN LÃO**	
		1	BC. Trung tâm huyện An Lão	04500
		2	Huyện ủy	04501
		3	Hội đồng nhân dân	04502
		4	Ủy ban nhân dân	04503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	04504
		6	TT. An Lão	04506
		7	X. An Tiến	04507
		8	X. Trường Thành	04508
		9	X. Trường Thọ	04509
		10	X. Bát Trang	04510
		11	X. Quang Hưng	04511
		12	X. Quang Trung	04512
		13	X. Quốc Tuấn	04513
		14	X. Tân Viên	04514
		15	X. Chiến Thắng	04515
		16	X. An Thọ	04516
		17	X. An Thái	04517
		18	X. Mỹ Đức	04518
		19	X. Thái Sơn	04519
		20	X. Tân Dân	04520
		21	TT. Trường Sơn	04521
		22	X. An Thắng	04522
		23	BCP. An Lão	04550
		24	BC. Chợ Kênh	04551
		25	BC. Mỹ Đức	04552
		26	BC. An Tràng	04553
	6		**QUẬN KIẾN AN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kiến An	04600
		2	Huyện ủy	04601

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		3	Hội đồng nhân dân	04602
		4	Ủy ban nhân dân	04603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	04604
		6	P. Trần Thành Ngọ	04606
		7	P. Ngọc Sơn	04607
		8	P. Tràng Minh	04608
		9	P. Phù Liễn	04609
		10	P. Văn Đẩu	04610
		11	P. Đồng Hoà	04611
		12	P. Lãm Hà	04612
		13	P. Quán Trữ	04613
		14	P. Bắc Sơn	04614
		15	P. Nam Sơn	04615
		16	BCP. Kiến An	04650
		17	BC. KHL Kiến An	04651
		18	BC. Quán Trữ	04652
	7		**QUẬN LÊ CHÂN**	
		1	BC. Trung tâm quận Lê Chân	04700
		2	Quận ủy	04701
		3	Hội đồng nhân dân	04702
		4	Ủy ban nhân dân	04703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	04704
		6	P. Trại Cau	04706
		7	P. An Biên	04707
		8	P. Cát Dài	04708
		9	P. Hồ Nam	04709
		10	P. Trần Nguyên Hãn	04710
		11	P. An Dương	04711
		12	P. Lam Sơn	04712
		13	P. Niệm Nghĩa	04713
		14	P. Nghĩa Xá	04714
		15	P. Vĩnh Niệm	04715
		16	P. Dư Hàng Kênh	04716
		17	P. Kênh Dương	04717
		18	P. Đông Hải	04718
		19	P. Hàng Kênh	04719
		20	P. Dư Hàng	04720
		21	BCP. Lê Chân	04750
		22	BC. KHL Lê Chân	04751
		23	BC. Lê Chân	04752
		24	BC. Niệm Nghĩa	04753
		25	BC. Chợ Hàng	04754
	8		**QUẬN HẢI AN**	
		1	BC. Trung tâm quận Hải An	04800

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		2	Quận ủy	04801
		3	Hội đồng nhân dân	04802
		4	Ủy ban nhân dân	04803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	04804
		6	P. Đằng Lâm	04806
		7	P. Cát Bi	04807
		8	P. Thành Tô	04808
		9	P. Tràng Cát	04809
		10	P. Nam Hải	04810
		11	P. Đông Hải 2	04811
		12	P. Đông Hải 1	04812
		13	P. Đằng Hải	04813
		14	BCP. Hải An	04850
		15	BC. KHL Hải An	04851
		16	BC. Cầu Rào	04852
		17	BC. KCN Đình Vũ	04853
		18	BC. Nam Hải	04854
		19	BC. Hạ Lũng	04855
		20	BĐVHX Hàng Kênh	04856
	9		**QUẬN DƯƠNG KINH**	
		1	BC. Trung tâm quận Dương Kinh	04900
		2	Quận ủy	04901
		3	Hội đồng nhân dân	04902
		4	Ủy ban nhân dân	04903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	04904
		6	P. Anh Dũng	04906
		7	P. Hưng Đạo	04907
		8	P. Đa Phúc	04908
		9	P. Hải Thành	04909
		10	P. Hoà Nghĩa	04910
		11	P. Tân Thành	04911
		12	BCP. Dương Kinh	04950
		13	BC. Chợ Hương	04951
		14	BC. Hòa Nghĩa	04952
	10		**QUẬN ĐỒ SƠN**	
		1	BC. Trung tâm quận Đồ Sơn	05000
		2	Quận ủy	05001
		3	Hội đồng nhân dân	05002
		4	Ủy ban nhân dân	05003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	05004
		6	P. Ngọc Xuyên	05006
		7	P. Hợp Đức	05007
		8	P. Minh Đức	05008
		9	P. Bàng La	05009

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		10	P. Vạn Hương	05010
		11	P. Vạn Sơn	05011
		12	P. Ngọc Hải	05012
		13	BCP. Đồ Sơn	05050
	11		**HUYỆN KIẾN THỤY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kiến Thụy	05100
		2	Huyện ủy	05101
		3	Hội đồng nhân dân	05102
		4	Ủy ban nhân dân	05103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	05104
		6	TT. Núi Đối	05106
		7	X. Minh Tân	05107
		8	X. Đại Đồng	05108
		9	X. Đông Phương	05109
		10	X. Hữu Bằng	05110
		11	X. Thuận Thiên	05111
		12	X. Du Lễ	05112
		13	X. Ngũ Phúc	05113
		14	X. Kiến Quốc	05114
		15	X. Thụy Hương	05115
		16	X. Thanh Sơn	05116
		17	X. Đại Hà	05117
		18	X. Tân Trào	05118
		19	X. Đoàn Xá	05119
		20	X. Đại Hợp	05120
		21	X. Tú Sơn	05121
		22	X. Tân Phong	05122
		23	X. Ngũ Đoan	05123
		24	BCP. Kiến Thụy	05150
		25	BC. KHL Kiến Thụy	05151
		26	BC. Tú Sơn	05152
	12		**HUYỆN TIÊN LÃNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tiên Lãng	05200
		2	Huyện ủy	05201
		3	Hội đồng nhân dân	05202
		4	Ủy ban nhân dân	05203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	05204
		6	TT. Tiên Lãng	05206
		7	X. Quyết Tiến	05207
		8	X. Tự Cường	05208
		9	X. Đại Thắng	05209
		10	X. Tiên Cường	05210
		11	X. Tiên Tiến	05211
		12	X. Khởi Nghĩa	05212

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		13	X. Tiên Thanh	05213
		14	X. Cấp Tiến	05214
		15	X. Kiến Thiết	05215
		16	X. Đoàn Lập	05216
		17	X. Bạch Đằng	05217
		18	X. Tiên Minh	05218
		19	X. Nam Hưng	05219
		20	X. Tây Hưng	05220
		21	X. Đông Hưng	05221
		22	X. Tiên Hưng	05222
		23	X. Vinh Quang	05223
		24	X. Hùng Thắng	05224
		25	X. Bắc Hưng	05225
		26	X. Tiên Thắng	05226
		27	X. Toàn Thắng	05227
		28	X. Quang Phục	05228
		29	BCP. Tiên Lãng	05250
		30	BC. KHL Tiên Lãng	05251
		31	BC. Hòa Bình	05252
		32	BC. Hùng Thắng	05253
		33	BC. Đông Quy	05254
	13		**HUYỆN VĨNH BẢO**	
		1	BC. Trung tâm huyện Vĩnh Bảo	05300
		2	Huyện ủy	05301
		3	Hội đồng nhân dân	05302
		4	Ủy ban nhân dân	05303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	05304
		6	TT. Vĩnh Bảo	05306
		7	X. Tân Liên	05307
		8	X. Việt Tiến	05308
		9	X. Vĩnh An	05309
		10	X. Giang Biên	05310
		11	X. Dũng Tiến	05311
		12	X. Trung Lập	05312
		13	X. Thắng Thuỷ	05313
		14	X. Vĩnh Long	05314
		15	X. Hiệp Hoà	05315
		16	X. Hùng Tiến	05316
		17	X. Tân Hưng	05317
		18	X. An Hoà	05318
		19	X. Hưng Nhân	05319
		20	X. Đồng Minh	05320
		21	X. Tiền Phong	05321
		22	X. Vĩnh Phong	05322

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		23	X. Cộng Hiền	05323
		24	X. Thanh Lương	05324
		25	X. Liên Am	05325
		26	X. Cao Minh	05326
		27	X. Tam Cường	05327
		28	X. Cổ Am	05328
		29	X. Vĩnh Tiến	05329
		30	X. Trấn Dương	05330
		31	X. Hoà Bình	05331
		32	X. Lý Học	05332
		33	X. Vinh Quang	05333
		34	X. Nhân Hoà	05334
		35	X. Tam Đa	05335
		36	BCP. Vĩnh Bảo	05350
		37	BC. KHL Vĩnh Bảo	05351
		38	BC. Chợ Cầu	05352
		39	BC. Hà Phương	05353
		40	BC. Thanh Lương	05354
		41	BC. Nam Am	05355
	14		**HUYỆN CÁT HẢI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cát Hải	05400
		2	Huyện ủy	05401
		3	Hội đồng nhân dân	05402
		4	Ủy ban nhân dân	05403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	05404
		6	TT. Cát Bà	05406
		7	X. Việt Hải	05407
		8	X. Gia Luận	05408
		9	X. Phù Long	05409
		10	X. Đồng Bài	05410
		11	X. Nghĩa Lộ	05411
		12	X. Hoàng Châu	05412
		13	X. Văn Phong	05413
		14	TT. Cát Hải	05414
		15	X. Hiền Hào	05415
		16	X. Xuân Đám	05416
		17	X. Trân Châu	05417
		18	BCP. Cát Hải	05450
		19	BC. KHL Cát Hải	05451
		20	BC. Cát Bà	05452
		21	BC. Hòa Quang	05453
		22	BĐVHX Hải Sơn	05454
	15		**HUYỆN BẠCH LONG VỸ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bạch Long Vỹ	05500

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		2	Huyện ủy	05501
		3	Hội đồng nhân dân	05502
		4	Ủy ban nhân dân	05503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	05504
		6	BCP. Bạch Long Vĩ	05550

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
28			**TỈNH HẬU GIANG**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Hậu Giang	95000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	95001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	95002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	95003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	95004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	95005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	95009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	95010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	95011
		10	Báo Hậu Giang	95016
		11	Hội đồng nhân dân	95021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	95030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	95035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	95036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	95040
		16	Sở Công Thương	95041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	95042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	95043
		19	Sở Tài chính	95045
		20	Sở Thông tin và Truyền thông	95046
		21	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	95047
		22	Công an tỉnh	95049
		23	Sở Nội vụ	95051
		24	Sở Tư pháp	95052
		25	Sở Giáo dục và Đào tạo	95053
		26	Sở Giao thông vận tải	95054
		27	Sở Khoa học và Công nghệ	95055
		28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	95056
		29	Sở Tài nguyên và Môi trường	95057
		30	Sở Xây dựng	95058
		31	Sở Y tế	95060
		32	Bộ chỉ huy Quân sự	95061
		33	Ban Dân tộc	95062
		34	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	95063
		35	Thanh tra tỉnh	95064
		36	Trường chính trị tỉnh	95065
		37	Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam	95066
		38	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	95067
		39	Bảo hiểm xã hội tỉnh	95070
		40	Cục Thuế	95078
		41	Chi cục Hải quan	95079

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		42	Cục Thống kê	95080
		43	Kho bạc Nhà nước tỉnh	95081
		44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	95085
		45	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	95086
		46	Hội Văn học nghệ thuật	95087
		47	Liên đoàn Lao động tỉnh	95088
		48	Hội Nông dân tỉnh	95089
		49	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	95090
		50	Tỉnh đoàn	95091
		51	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	95092
		52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	95093
	1		**THÀNH PHỐ VỊ THANH**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Vị Thanh	95100
		2	Thành ủy	95101
		3	Hội đồng nhân dân	95102
		4	Ủy ban nhân dân	95103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	95104
		6	P. 1	95106
		7	P. 5	95107
		8	P. 4	95108
		9	X. Vị Tân	95109
		10	P. 7	95110
		11	P. 3	95111
		12	X. Hoả Lựu	95112
		13	X. Tân Tiến	95113
		14	X. Hoả Tiến	95114
		15	BCP. Vị Thanh	95150
		16	BC. Phường 1	95151
		17	BC. Phường 7	95152
		18	BĐVHX Tân Tiến	95153
		19	BC. Hệ 1 Hậu Giang	95199
	2		**HUYỆN VỊ THỦY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Vị Thủy	95200
		2	Huyện ủy	95201
		3	Hội đồng nhân dân	95202
		4	Ủy ban nhân dân	95203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	95204
		6	TT. Nàng Mau	95206
		7	X. Vị Thắng	95207
		8	X. Vị Trung	95208
		9	X. Vĩnh Tường	95209
		10	X. Vĩnh Trung	95210
		11	X. Vị Bình	95211
		12	X. Vị Thanh	95212
		13	X. Vị Đông	95213

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		14	X. Vị Thuỷ	95214
		15	X. Vĩnh Thuận Tây	95215
		16	BCP. Vị Thủy	95250
		17	BC. Vị Thanh	95251
	3		**HUYỆN LONG MỸ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Long Mỹ	95300
		2	Huyện ủy	95301
		3	Hội đồng nhân dân	95302
		4	Ủy ban nhân dân	95303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	95304
		6	X. Vĩnh Viễn	95306
		7	X. Vĩnh Viễn A	95307
		8	X. Lương Nghĩa	95308
		9	X. Lương Tâm	95309
		10	X. Xà Phiên	95310
		11	X. Thuận Hòa	95311
		12	X. Thuận Hưng	95312
		13	X. Vĩnh Thuận Đông	95313
		14	BCP. Long Mỹ	95350
		15	BC. Vĩnh Viễn	95351
	4		**THỊ XÃ LONG MỸ**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Long Mỹ	95400
		2	Thị ủy	95401
		3	Hội đồng nhân dân	95402
		4	Ủy ban nhân dân	95403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	95404
		6	P. Bình Thạnh	95406
		7	P. Vĩnh Tường	95407
		8	P. Thuận An	95408
		9	X. Long Phú	95409
		10	X. Long Trị A	95410
		11	X. Long Bình	95411
		12	X. Long Trị	95412
		13	X. Tân Phú	95413
		14	P. Trà Lồng	95414
		15	BCP. Long Mỹ	95450
		16	BC. Trà Lồng	95451
	5		**HUYỆN PHỤNG HIỆP**	
		1	BC. Trung tâm huyện Phụng Hiệp	95500
		2	Huyện ủy	95501
		3	Hội đồng nhân dân	95502
		4	Ủy ban nhân dân	95503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	95504
		6	TT. Cây Dương	95506
		7	X. Phụng Hiệp	95507

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		8	X. Hòa Mỹ	95508
		9	X. Hiệp Hưng	95509
		10	TT. Búng Tàu	95510
		11	X. Tân Phước Hưng	95511
		12	X. Tân Long	95512
		13	X. Long Thạnh	95513
		14	X. Thạnh Hòa	95514
		15	X. Bình Thành	95515
		16	X. Tân Bình	95516
		17	TT. Kinh Cùng	95517
		18	X. Hòa An	95518
		19	X. Phương Bình	95519
		20	X. Phương Phú	95520
		21	BCP. Phụng Hiệp	95550
		22	BC. Hòa Mỹ	95551
		23	BC. Tân Phước Hưng	95552
		24	BC. Cầu Trắng	95553
		25	BC. Long Thạnh	95554
		26	BC. Hòa An	95555
		27	BC. Phương Bình	95556
		28	BĐVHX Cầu Móng	95557
	6		**THỊ XÃ NGÃ BẢY**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Ngã Bảy	95600
		2	Thị ủy	95601
		3	Hội đồng nhân dân	95602
		4	Ủy ban nhân dân	95603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	95604
		6	P. Ngã Bảy	95606
		7	X. Đại Thành	95607
		8	X. Hiệp Lợi	95608
		9	P. Lái Hiếu	95609
		10	P. Hiệp Thành	95610
		11	X. Tân Thành	95611
		12	BCP. Ngã Bảy	95650
		13	BC. Phường Ngã Bảy	95651
	7		**HUYỆN CHÂU THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Châu Thành	95700
		2	Huyện ủy	95701
		3	Hội đồng nhân dân	95702
		4	Ủy ban nhân dân	95703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	95704
		6	TT. Ngã Sáu	95706
		7	X. Phú Hữu	95707
		8	X. Phú An	95708
		9	X. Đông Thạnh	95709

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		10	X. Đông Phước A	95710
		11	X. Đông Phước	95711
		12	X. Phú Tân	95712
		13	TT. Mái Dầm	95713
		14	X. Đông Phú	95714
		15	BCP. Châu Thành	95750
		16	BC. Mái Dầm	95751
	8		**HUYỆN CHÂU THÀNH A**	
		1	BC. Trung tâm huyện Châu Thành A	95800
		2	Huyện ủy	95801
		3	Hội đồng nhân dân	95802
		4	Ủy ban nhân dân	95803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	95804
		6	TT. Một Ngàn	95806
		7	TT. Rạch Gòi	95807
		8	X. Nhơn Nghĩa A	95808
		9	X. Trường Long A	95809
		10	X. Trường Long Tây	95810
		11	X. Tân Hoà	95811
		12	TT. Bảy Ngàn	95812
		13	X. Thạnh Xuân	95813
		14	X. Tân Phú Thạnh	95814
		15	TT. Cái Tắc	95815
		16	BCP. Châu Thành A	95850
		17	BC. Tân Hòa	95851
		18	BC. Thạnh Xuân	95852
		19	BC. Tân Phú Thạnh	95853
		20	BC. Cái Tắc	95854

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
29			**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	
		1	Vụ VII (Ủy ban Kiểm tra Trung ương)	70001
		2	Vụ Địa phương III (Ban Tổ chức Trung ương)	70002
		3	Cơ quan thường trú Ban Tuyên giáo Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh	70003
		4	Ban Dân vận Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh	70004
		5	Cục Công tác phía Nam (Ban Nội chính Trung ương)	70005
		6	Ban Kinh tế Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh	70007
		7	Đảng ủy Ngoài nước tại thành phố Hồ Chí Minh	70008
		8	Cục Quản trị T78, Vụ địa phương II (Văn phòng Trung ương Đảng)	70010
		9	Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương phía Nam	70011
		10	Vụ công tác phía Nam (Văn phòng Quốc hội)	70030
		11	Vụ công tác phía Nam (Tòa án nhân dân tối cao)	70035
		12	Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh	70036
		13	Kiểm toán nhà nước khu vực IV tại thành phố Hồ Chí Minh	70037
		14	Cục Hành chính II (Văn phòng Chính phủ)	70040
		15	Cục công tác phía Nam (Bộ Công Thương)	70041
		16	Văn phòng II (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	70042
		17	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh	70043
		18	Cơ quan đại diện Bộ Tài chính tại thành phố Hồ Chí Minh	70045
		19	Đại diện Văn phòng Bộ Thông tin và Truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh	70046
		20	Cơ quan đại diện của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại thành phố Hồ Chí Minh	70047
		21	P9, Văn phòng Bộ Công an	70049
		22	Cục công tác phía Nam (Bộ Tư pháp)	70052
		23	Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thành phố Hồ Chí Minh	70053
		24	Bộ Giao thông vận tải tại thành phố Hồ Chí Minh	70054
		25	Vụ công tác phía Nam (Bộ Khoa học và Công nghệ)	70055

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		26	Văn phòng đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thành phố Hồ Chí Minh	70056
		27	Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại thành phố Hồ Chí Minh	70057
		28	Cơ quan đại diện Bộ Xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh	70058
		29	Cơ quan đại diện Bộ Y tế tại thành phố Hồ Chí Minh	70060
		30	Bộ Quốc phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	70061
		31	Ủy ban Dân tộc tại thành phố Hồ Chí Minh	70062
		32	Ngân hàng Nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh	70063
		33	Văn phòng đại diện Thanh tra Chính phủ	70064
		34	Văn phòng thường trực phía Nam (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh)	70065
		35	Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	70066
		36	Cơ quan thường trú Đài Truyền hình Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	70067
		37	Cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	70068
		38	Bảo hiểm xã hội Việt Nam phía Nam	70070
		39	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	70071
		40	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	70072
		41	Cơ quan Thường trực Cục cơ yếu Đảng chính quyền tại TP.HCM (Ban Cơ yếu Chính phủ)	70073
		42	Vụ Công tác Tôn giáo phía Nam (Ban Tôn giáo Chính phủ)	70074
		43	Cơ quan đại diện của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam	70087
		44	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	70088
		45	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	70089
		46	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	70090
		47	Ban công tác phía Nam (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam)	70092
		48	BC. Trung tâm thành phố Hồ Chí Minh	70000
		49	Ủy ban Kiểm tra thành ủy	70101
		50	Ban Tổ chức thành ủy	70102
		51	Ban Tuyên giáo thành ủy	70103
		52	Ban Dân vận thành ủy	70104

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		53	Ban Nội chính thành ủy	70105
		54	Đảng ủy khối cơ quan	70109
		55	Thành ủy và Văn phòng thành ủy	70110
		56	Đảng ủy khối doanh nghiệp	70111
		57	Báo Sài Gòn Giải Phóng	70116
		58	Hội đồng nhân dân thành phố	70121
		59	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố	70130
		60	Tòa án nhân dân thành phố	70135
		61	Viện Kiểm sát nhân dân thành phố	70136
		62	Kiểm toán nhà nước tại khu vực IV	70137
		63	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	70140
		64	Sở Công Thương	70141
		65	Sở Kế hoạch và Đầu tư	70142
		66	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	70143
		67	Sở Ngoại vụ	70144
		68	Sở Tài chính	70145
		69	Sở Thông tin và Truyền thông	70146
		70	Sở Văn hoá và Thể thao	70147
		71	Sở Du lịch	70148
		72	Công an thành phố	70149
		73	Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố	70150
		74	Sở Nội vụ	70151
		75	Sở Tư pháp	70152
		76	Sở Giáo dục và Đào tạo	70153
		77	Sở Giao thông vận tải	70154
		78	Sở Khoa học và Công nghệ	70155
		79	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70156
		80	Sở Tài nguyên và Môi trường	70157
		81	Sở Xây dựng	70158
		82	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	70159
		83	Sở Y tế	70160
		84	Bộ Tư lệnh Thành phố	70161
		85	Ban Dân tộc	70162
		86	Ngân hàng nhà nước chi nhánh thành phố	70163
		87	Thanh tra thành phố	70164
		88	Học viện Cán bộ thành phố	70165
		89	Thông tấn xã Việt Nam (chi nhánh tại thành phố)	70166
		90	Đài truyền hình thành phố	70167
		91	Đài Tiếng nói nhân dân thành phố	70168
		92	Bảo hiểm xã hội thành phố	70170
		93	Cục Thuế	70178
		94	Cục Hải quan	70179
		95	Cục Thống kê	70180
		96	Kho bạc Nhà nước thành phố	70181

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		97	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	70185
		98	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	70186
		99	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	70187
		100	Liên đoàn Lao động thành phố	70188
		101	Hội Nông dân thành phố	70189
		102	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố	70190
		103	Thành Đoàn	70191
		104	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	70192
		105	Hội Cựu chiến binh thành phố	70193
		106	Điểm phục vụ Bưu điện T78	70199
		107	Tổng LSQ. Liên hiệp Vương Quốc Anh và Bắc Ai-Len	70200
		108	Tổng LSQ. Cộng Hòa Ấn Độ	70201
		109	Tổng LSQ. Ca-na-đa	70202
		110	Tổng LSQ. Cam-pu-chia	70203
		111	Tổng LSQ. Cô-oét	70204
		112	Tổng LSQ. Cộng hòa Cu-ba	70205
		113	Tổng LSQ. Cộng hòa Liên bang Đức	70206
		114	Tổng LSQ. Vương quốc Hà Lan	70207
		115	Tổng LSQ. Hàn Quốc	70208
		116	Tổng LSQ. Hoa Kỳ	70209
		117	Tổng LSQ. Hung-ga-ri	70210
		118	Tổng LSQ. Cộng hòa I-ta-li-a	70211
		119	Tổng LSQ. Cộng hòa In-đô-nê-xi-a	70212
		120	Tổng LSQ. Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	70213
		121	Tổng LSQ. Ma-lai-xi-a	70214
		122	Tổng LSQ. Liên Bang Nga	70215
		123	Tổng LSQ. Nhật Bản	70216
		124	Tổng LSQ. Niu Di-lân	70217
		125	Tổng LSQ. Ô-xtơ-rây-li-a	70218
		126	Tổng LSQ. Cộng hòa Pa-na-ma	70219
		127	Tổng LSQ. Cộng hòa Pháp	70220
		128	Tổng LSQ. Vương quốc Thái Lan	70221
		129	Tổng LSQ. Thụy Sỹ	70222
		130	Tổng LSQ. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	70223
		131	Tổng LSQ. Cộng hòa Xinh-ga-po	70224
		132	LSQ. Cộng hòa Ai-xơ-len	70225
		133	LSQ. Cộng hòa Áo	70226
		134	LSQ. Cộng hòa Bồ Đào Nha	70227
		135	LSQ. Vương quốc Bỉ	70228
		136	LSQ. Cộng hòa Ca-dắc-xtan	70229
		137	LSQ. Cộng hòa Chi-lê	70230
		138	LSQ. Cộng hòa E-xtô-ni-a	70231
		139	LSQ. Cộng hòa Hy Lạp	70232

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		140	LSQ. Cộng hòa Man-ta	70233
		141	LSQ. Cộng hòa Liên bang Mi-an-ma	70234
		142	LSQ. Mông Cổ	70235
		143	LSQ. Vương quốc Na-uy	70236
		144	LSQ. Cộng hòa Nam Phi	70237
		145	LSQ. Cộng hòa hồi giáo Pa-ki-xtan	70238
		146	LSQ. Cộng hòa Pa-lau	70239
		147	LSQ. Cộng hòa Phần Lan	70240
		148	LSQ. Cộng hòa Phi-líp-pin	70241
		149	LSQ. Cộng hòa Séc	70242
		150	LSQ. Cộng hòa Síp	70243
		151	LSQ. Thụy Điển	70244
		152	LSQ. U-crai-na	70245
		153	LSQ. Cộng hòa Đông U-ru-goay	70246
		154	LSQ. Cộng hòa Xlô-va-ki-a	70247
		155	LSQ. Cộng hòa XHCN dân chủ Xri Lan-ca	70248
		156	LSQ. Cộng hòa Su-đăng	70249
		157	LSQ. Cộng hòa En-xan-va-đo	70250
		158	LSQ. Vương quốc Tây Ban Nha	70251
		159	LSQ. Đại Công quốc Lúc-xăm-bua	70252
	1		**QUẬN 1**	
		1	BC. Trung tâm quận 1	71000
		2	Quận ủy	71001
		3	Hội đồng nhân dân	71002
		4	Ủy ban nhân dân	71003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71004
		6	P. Bến Nghé	71006
		7	P. Đa Kao	71007
		8	P. Tân Định	71008
		9	P. Bến Thành	71009
		10	P. Nguyễn Thái Bình	71010
		11	P. Cầu Ông Lãnh	71011
		12	P. Phạm Ngũ Lão	71012
		13	P. Cô Giang	71013
		14	P. Nguyễn Cư Trinh	71014
		15	P. Cầu Kho	71015
		16	BCP. Quận 1	71050
		17	BCP. TTDVKH Sài Gòn	71051
		18	BCP. Trung Tâm 1	71052
		19	BCP. Quận 3	71053
		20	BCP. Quận 4	71054
		21	BC. KHL Sài Gòn	71055
		22	BC. Giao Dịch Quốc Tế Sài Gòn	71056
		23	BC. Nguyễn Du	71057

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		24	BC. Đa Kao	71058
		25	BC. Tân Định	71059
		26	BC. Bến Thành	71060
		27	BC. Trần Hưng Đạo	71061
		28	BC. Hệ 1 Thành Phố Hồ Chí Minh	71099
	2		**QUẬN 2**	
		1	BC. Trung tâm quận 2	71100
		2	Quận ủy	71101
		3	Hội đồng nhân dân	71102
		4	Ủy ban nhân dân	71103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71104
		6	P. An Phú	71106
		7	P. Thảo Điền	71107
		8	P. Bình An	71108
		9	P. An Khánh	71109
		10	P. Thủ Thiêm	71110
		11	P. An Lợi Đông	71111
		12	P. Bình Khánh	71112
		13	P. Bình Trưng Tây	71113
		14	P. Thạnh Mỹ Lợi	71114
		15	P. Cát Lái	71115
		16	P. Bình Trưng Đông	71116
		17	BCP. Quận 2	71150
		18	BC. An Điền	71151
		19	BC. An Khánh	71152
		20	BC. Bình Trưng	71153
		21	BC. Cát Lái	71154
		22	BC. Tân Lập	71155
	3		**QUẬN 9**	
		1	BC. Trung tâm quận 9	71200
		2	Quận ủy	71201
		3	Hội đồng nhân dân	71202
		4	Ủy ban nhân dân	71203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71204
		6	P. Hiệp Phú	71206
		7	P. Tăng Nhơn Phú A	71207
		8	P. Phước Long A	71208
		9	P. Phước Bình	71209
		10	P. Phước Long B	71210
		11	P. Tăng Nhơn Phú B	71211
		12	P. Phú Hữu	71212
		13	P. Long Trường	71213
		14	P. Long Phước	71214
		15	P. Trường Thạnh	71215

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		16	P. Long Thạnh Mỹ	71216
		17	P. Long Bình	71217
		18	P. Tân Phú	71218
		19	BCP. Quận 9	71250
		20	BC. Chợ Nhỏ	71251
		21	BC. Phước Long	71252
		22	BC. Phước Bình	71253
		23	BC. Phú Hữu	71254
		24	BC. Cây Dầu	71255
		25	BC. Trường Thạnh	71256
	4		**QUẬN THỦ ĐỨC**	
		1	BC. Trung tâm quận Thủ Đức	71300
		2	Quận ủy	71301
		3	Hội đồng nhân dân	71302
		4	Ủy ban nhân dân	71303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71304
		6	P. Bình Thọ	71306
		7	P. Linh Chiểu	71307
		8	P. Linh Trung	71308
		9	P. Linh Xuân	71309
		10	P. Linh Tây	71310
		11	P. Tam Phú	71311
		12	P. Tam Bình	71312
		13	P. Bình Chiểu	71313
		14	P. Hiệp Bình Phước	71314
		15	P. Hiệp Bình Chánh	71315
		16	P. Linh Đông	71316
		17	P. Trường Thọ	71317
		18	BCP. Thủ Đức	71350
		19	BCP. Linh Trung	71351
		20	BCP. Bình Chiểu	71352
		21	BCP. Bình Triệu	71353
		22	BCP. TTDVKH Thủ Đức	71354
		23	BC. KHL Thủ Đức	71355
		24	BC. Bình Thọ	71356
		25	BC. Linh Trung	71357
		26	BC. Tam Bình	71358
		27	BC. Bình Chiểu	71359
		28	BC. Bình Triệu	71360
	5		**QUẬN GÒ VẤP**	
		1	BC. Trung tâm quận Gò Vấp	71400
		2	Quận ủy	71401
		3	Hội đồng nhân dân	71402
		4	Ủy ban nhân dân	71403

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71404
		6	P. 10	71406
		7	P. 7	71407
		8	P. 4	71408
		9	P. 3	71409
		10	P. 1	71410
		11	P. 5	71411
		12	P. 6	71412
		13	P. 17	71413
		14	P. 15	71414
		15	P. 13	71415
		16	P. 16	71416
		17	P. 9	71417
		18	P. 14	71418
		19	P. 8	71419
		20	P. 12	71420
		21	P. 11	71421
		22	BCP. Gò Vấp	71450
		23	BC. KHL Nguyễn Oanh	71451
		24	BC. Trưng Nữ Vương	71452
		25	BC. Xóm Mới	71453
		26	BC. Lê Văn Thọ	71454
		27	BC. An Hội	71455
		28	BC. Thông Tây Hội	71456
	6		**QUẬN 12**	
		1	BC. Trung tâm quận 12	71500
		2	Quận ủy	71501
		3	Hội đồng nhân dân	71502
		4	Ủy ban nhân dân	71503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71504
		6	P. Tân Chánh Hiệp	71506
		7	P. Trung Mỹ Tây	71507
		8	P. Đông Hưng Thuận	71508
		9	P. Tân Hưng Thuận	71509
		10	P. Tân Thới Nhất	71510
		11	P. Tân Thới Hiệp	71511
		12	P. Hiệp Thành	71512
		13	P. Thới An	71513
		14	P. Thạnh Xuân	71514
		15	P. Thạnh Lộc	71515
		16	P. An Phú Đông	71516
		17	BCP. Quận 12 A	71550
		18	BCP. Quận 12 B	71551
		19	BC. Công Viên Phần Mềm Quang trung	71552

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		20	BC. Trung Mỹ Tây	71553
		21	BC. Quang Trung	71554
		22	BC. Nguyễn Văn Quá	71555
		23	BC. Bàu Nai	71556
		24	BC. Tân Thới Nhất	71557
		25	BC. Tân Thới Hiệp	71558
		26	BC. Hiệp Thành	71559
		27	BC. Nguyễn Thị Kiểu	71560
		28	BC. Hà Huy Giáp	71561
		29	BC. Ngã Tư Ga	71562
	7		**HUYỆN CỦ CHI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Củ Chi	71600
		2	Huyện ủy	71601
		3	Hội đồng nhân dân	71602
		4	Ủy ban nhân dân	71603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71604
		6	TT. Củ Chi	71606
		7	X. Tân An Hội	71607
		8	X. Tân Thông Hội	71608
		9	X. Tân Phú Trung	71609
		10	X. Tân Thạnh Đông	71610
		11	X. Bình Mỹ	71611
		12	X. Hòa Phú	71612
		13	X. Trung An	71613
		14	X. Tân Thạnh Tây	71614
		15	X. Phước Vĩnh An	71615
		16	X. Phú Hòa Đông	71616
		17	X. Phạm Văn Cội	71617
		18	X. Nhuận Đức	71618
		19	X. An Nhơn Tây	71619
		20	X. An Phú	71620
		21	X. Phú Mỹ Hưng	71621
		22	X. Trung Lập Thượng	71622
		23	X. Trung Lập Hạ	71623
		24	X. Phước Thạnh	71624
		25	X. Thái Mỹ	71625
		26	X. Phước Hiệp	71626
		27	BCP. Củ Chi	71650
		28	BCP. TTDVKH Củ Chi	71651
		29	BCP. An Nhơn Tây	71652
		30	BCP. Tân Trung	71653
		31	BCP. Tân Phú Trung	71654
		32	BC. Thị Trấn Củ Chi	71655
		33	BC. Tân Phú Trung	71656

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		34	BC. Tân Trung	71657
		35	BC. Phú Hòa Đông	71658
		36	BC. Phạm Văn Cội	71659
		37	BC. An Nhơn Tây	71660
		38	BC. An Phú	71661
		39	BC. Trung Lập	71662
		40	BC. Phước Thạnh	71663
	8		**HUYỆN HÓC MÔN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hóc Môn	71700
		2	Huyện ủy	71701
		3	Hội đồng nhân dân	71702
		4	Ủy ban nhân dân	71703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71704
		6	TT. Hóc Môn	71706
		7	X. Thới Tam Thôn	71707
		8	X. Đông Thạnh	71708
		9	X. Nhị Bình	71709
		10	X. Tân Hiệp	71710
		11	X. Tân Thới Nhì	71711
		12	X. Xuân Thới Sơn	71712
		13	X. Xuân Thới Thượng	71713
		14	X. Bà Điểm	71714
		15	X. Xuân Thới Đông	71715
		16	X. Trung Chánh	71716
		17	X. Tân Xuân	71717
		18	BCP. Hóc Môn A	71750
		19	BCP. Hóc Môn B	71751
		20	BC. TTDVKH Hóc Môn	71752
		21	BC. KHL Hóc Môn	71753
		22	BC. Đông Thạnh	71754
		23	BC. Nhị Xuân	71755
		24	BC. Bà Điểm	71756
		25	BC. An Sương	71757
		26	BC. Ngã Ba Bầu	71758
		27	BC. Trung Chánh	71759
		28	BC. Tân Thới Nhì	71760
	9		**HUYỆN BÌNH CHÁNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bình Chánh	71800
		2	Huyện ủy	71801
		3	Hội đồng nhân dân	71802
		4	Ủy ban nhân dân	71803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71804
		6	TT. Tân Túc	71806
		7	X. Tân Quý Tây	71807

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		8	X. An Phú Tây	71808
		9	X. Hưng Long	71809
		10	X. Quy Đức	71810
		11	X. Đa Phước	71811
		12	X. Phong Phú	71812
		13	X. Bình Hưng	71813
		14	X. Bình Chánh	71814
		15	X. Tân Kiên	71815
		16	X. Tân Nhựt	71816
		17	X. Lê Minh Xuân	71817
		18	X. Bình Lợi	71818
		19	X. Vĩnh Lộc B	71819
		20	X. Phạm Văn Hai	71820
		21	X. Vĩnh Lộc A	71821
		22	BCP. Tân Túc	71850
		23	BCP. Lê Minh Xuân	71851
		24	BCP. Hưng Long	71852
		25	BCP. Vĩnh Lộc	71853
		26	BCP. Phong Phú	71854
		27	BC. Chợ Đệm	71855
		28	BC. Ghisê 2 Chợ Bình Chánh	71856
		29	BC. Quy Đức	71857
		30	BC. Phong Phú	71858
		31	BC. Bình Hưng	71859
		32	BC. Chợ Bình Chánh	71860
		37	BC. Láng Le	71861
		33	BC. Lê Minh Xuân	71862
		34	BC. Vĩnh Lộc	71863
		35	BC. Cầu Xáng	71864
		36	BĐVHX Láng Le 1	71865
	10		**QUẬN BÌNH TÂN**	
		1	BC. Trung tâm quận Bình Tân	71900
		2	Quận ủy	71901
		3	Hội đồng nhân dân	71902
		4	Ủy ban nhân dân	71903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	71904
		6	P. An Lạc	71906
		7	P. An Lạc A	71907
		8	P. Bình Trị Đông B	71908
		9	P. Tân Tạo A	71909
		10	P. Bình Trị Đông	71910
		11	P. Bình Trị Đông A	71911
		12	P. Bình Hưng Hoà A	71912
		13	P. Bình Hưng Hòa	71913

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		14	P. Bình Hưng Hoà B	71914
		15	P. Tân Tạo	71915
		16	BCP. Bình Trị Đông	71950
		17	BCP. Gò Mây	71951
		18	BCP. An Lạc	71952
		19	BCP. Tân Tạo	71953
		20	BCP. TTDVKH Bình Chánh	71954
		21	BCP. Gò Xoài	71955
		22	BC. KHL Bình Tân	71956
		23	BC. Hồ Học Lãm	71957
		24	BC. Tên Lửa	71958
		25	BC. Bốn Xã	71959
		26	BC. Bình Trị Đông	71960
		27	BC. Bình Hưng Hòa	71961
		28	BC. Gò Xoài	71962
		29	BC. Gò Mây	71963
		30	BC. Bà Hom	71964
		31	BC. Tân Kiên	71965
		32	BC. An Lạc	71966
		33	BC. Mũi Tàu	71967
	11		**QUẬN TÂN PHÚ**	
		1	BC. Trung tâm quận Tân Phú	72000
		2	Quận ủy	72001
		3	Hội đồng nhân dân	72002
		4	Ủy ban nhân dân	72003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72004
		6	P. Hoà Thạnh	72006
		7	P. Tân Thành	72007
		8	P. Tân Sơn Nhì	72008
		9	P. Tây Thạnh	72009
		10	P. Sơn Kỳ	72010
		11	P. Tân Quý	72011
		12	P. Phú Thọ Hoà	72012
		13	P. Phú Thạnh	72013
		14	P. Hiệp Tân	72014
		15	P. Tân Thới Hoà	72015
		16	P. Phú Trung	72016
		17	BCP. Tân Phú	72050
		18	BCP. TTDVKH Gia Định 2	72051
		19	BC. KHL Tân Quý	72052
		20	BC. TMĐT Tân Bình	72053
		21	BC. Gò Dầu	72054
		22	BC. Tây Thạnh	72055
		23	BC. KCN Tân Bình	72056

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		24	BC. Phú Thọ Hòa	72057
	12		**QUẬN TÂN BÌNH**	
		1	BC. Trung tâm quận Tân Bình	72100
		2	Quận ủy	72101
		3	Hội đồng nhân dân	72102
		4	Ủy ban nhân dân	72103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72104
		6	P. 4	72106
		7	P. 1	72107
		8	P. 2	72108
		9	P. 15	72109
		10	P. 13	72110
		11	P. 12	72111
		12	P. 14	72112
		13	P. 11	72113
		14	P. 10	72114
		15	P. 9	72115
		16	P. 8	72116
		17	P. 6	72117
		18	P. 7	72118
		19	P. 5	72119
		20	P. 3	72120
		21	BCP. Tân Bình	72150
		22	BC. Phạm Văn Hai	72151
		23	BC. Tân Sơn Nhất	72152
		24	BC. Bà Quẹo	72153
		25	BC. Bàu Cát	72154
		26	BC. Hoàng Hoa Thám	72155
		27	BC. Bàu Cát	72156
		28	BC. Lý Thường Kiệt	72157
		29	BC. Bảy Hiền	72158
		30	BC. Chí Hòa	72159
	13		**QUẬN PHÚ NHUẬN**	
		1	BC. Trung tâm quận Phú Nhuận	72200
		2	Quận ủy	72201
		3	Hội đồng nhân dân	72202
		4	Ủy ban nhân dân	72203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72204
		6	P. 11	72206
		7	P. 12	72207
		8	P. 17	72208
		9	P. 15	72209
		10	P. 2	72210
		11	P. 1	72211

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		12	P. 7	72212
		13	P. 3	72213
		14	P. 4	72214
		15	P. 5	72215
		16	P. 9	72216
		17	P. 8	72217
		18	P. 10	72218
		19	P. 14	72219
		20	P. 13	72220
		21	BCP. Phú Nhuận	72250
		22	BC. Đông Ba	72251
		23	BC. Lê Văn Sỹ	72252
	14		**QUẬN BÌNH THẠCH**	
		1	BC. Trung tâm quận Bình Thạch	72300
		2	Quận ủy	72301
		3	Hội đồng nhân dân	72302
		4	Ủy ban nhân dân	72303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72304
		6	P. 14	72306
		7	P. 24	72307
		8	P. 25	72308
		9	P. 27	72309
		10	P. 26	72310
		11	P. 13	72311
		12	P. 12	72312
		13	P. 11	72313
		14	P. 5	72314
		15	P. 6	72315
		16	P. 7	72316
		17	P. 3	72317
		18	P. 1	72318
		19	P. 2	72319
		20	P. 15	72320
		21	P. 17	72321
		22	P. 21	72322
		23	P. 19	72323
		24	P. 22	72324
		25	P. 28	72325
		26	BCP. Bình Thạnh	72350
		27	BCP. Trung Tâm 2	72351
		28	BC. TTDVKH Gia Định 1	72352
		29	BC. Thanh Đa	72353
		30	BC. Hàng Xanh	72354
		31	BC. Thị Nghè	72355

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	15		**QUẬN 3**	
		1	BC. Trung tâm Quận 3	72400
		2	Quận ủy	72401
		3	Hội đồng nhân dân	72402
		4	Ủy ban nhân dân	72403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72404
		6	P. 5	72406
		7	P. 6	72407
		8	P. 8	72408
		9	P. 14	72409
		10	P. 12	72410
		11	P. 11	72411
		12	P. 13	72412
		13	P. 10	72413
		14	P. 9	72414
		15	P. 7	72415
		16	P. 4	72416
		17	P. 3	72417
		18	P. 2	72418
		19	P. 1	72419
		20	BCP. Quận 3	72450
		21	BC. Vườn Xoài	72451
		22	BC. Nguyễn Văn Trỗi	72452
		23	BC. Bàn Cờ	72453
	16		**QUẬN 10**	
		1	BC. Trung tâm quận 10	72500
		2	Quận ủy	72501
		3	Hội đồng nhân dân	72502
		4	Ủy ban nhân dân	72503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72504
		6	P. 14	72506
		7	P. 9	72507
		8	P. 10	72508
		9	P. 11	72509
		10	P. 12	72510
		11	P. 13	72511
		12	P. 15	72512
		13	P. 8	72513
		14	P. 7	72514
		15	P. 6	72515
		16	P. 5	72516
		17	P. 4	72517
		18	P. 3	72518
		19	P. 2	72519

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		20	P. 1	72520
		21	BCP. Quận 10	72550
		22	BCP. Trung tâm 4	72551
		23	BCP. Logistics	72552
		24	BC. KHL Chợ Lớn 2	72553
		25	BC. Phú Thọ	72555
		26	BC. Bà Hạt	72557
		27	BC. Ngã Sáu Dân Chủ	72558
		28	BC. Sư Vạn Hạnh	72559
		29	BC. Hoà Hưng	72560
		30	BC. Ngô Quyền	72561
	17		**QUẬN 11**	
		1	BC. Trung tâm quận 11	72600
		2	Quận ủy	72601
		3	Hội đồng nhân dân	72602
		4	Ủy ban nhân dân	72603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72604
		6	P. 10	72606
		7	P. 14	72607
		8	P. 5	72608
		9	P. 3	72609
		10	P. 1	72610
		11	P. 2	72611
		12	P. 16	72612
		13	P. 9	72613
		14	P. 8	72614
		15	P. 12	72615
		16	P. 6	72616
		17	P. 4	72617
		18	P. 7	72618
		19	P. 13	72619
		20	P. 11	72620
		21	P. 15	72621
		22	BC. Đầm Sen	72650
		23	BC. Lạc Long Quân	72651
		24	BC. Phó Cơ Điều	72652
		25	BC. Tôn Thất Hiệp	72653
		26	BC. Lữ Gia	72654
	18		**QUẬN 5**	
		1	BC. Trung tâm quận 5	72700
		2	Quận ủy	72701
		3	Hội đồng nhân dân	72702
		4	Ủy ban nhân dân	72703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72704

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		6	P. 8	72706
		7	P. 7	72707
		8	P. 1	72708
		9	P. 2	72709
		10	P. 3	72710
		11	P. 4	72711
		12	P. 9	72712
		13	P. 12	72713
		14	P. 11	72714
		15	P. 15	72715
		16	P. 14	72716
		17	P. 13	72717
		18	P. 10	72718
		19	P. 6	72719
		20	P. 5	72720
		21	BCP. Quận 5	72750
		22	BCP. Trung Tâm 3	72751
		23	BCP. Quận 11	72752
		24	BCP. Quận 6	72753
		25	BC. TTDVKH Chợ Lớn	72754
		26	BCP. Quận 8	72755
		27	BC. KHL Chợ Lớn 1	72756
		28	BC. Nguyễn Tri Phương	72757
		29	BC. Nguyễn Duy Dương	72758
		30	BC. Nguyễn Trãi	72759
		31	BC. Lê Hồng Phong	72760
		32	BC. Hùng Vương	72761
	19		**QUẬN 4**	
		1	BC. Trung tâm Quận 4	72800
		2	Quận ủy	72801
		3	Hội đồng nhân dân	72802
		4	Ủy ban nhân dân	72803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72804
		6	P. 12	72806
		7	P. 9	72807
		8	P. 6	72808
		9	P. 5	72809
		10	P. 2	72810
		11	P. 1	72811
		12	P. 3	72812
		13	P. 4	72813
		14	P. 8	72814
		15	P. 10	72815
		16	P. 14	72816

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		17	P. 15	72817
		18	P. 16	72818
		19	P. 18	72819
		20	P. 13	72820
		21	BCP. Quận 4	72850
		22	BC. Khánh Hội	72851
	20		**QUẬN 7**	
		1	BC. Trung tâm quận 7	72900
		2	Quận ủy	72901
		3	Hội đồng nhân dân	72902
		4	Ủy ban nhân dân	72903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	72904
		6	P. Phú Mỹ	72906
		7	P. Phú Thuận	72907
		8	P. Tân Phú	72908
		9	P. Tân Thuận Đông	72909
		10	P. Tân Thuận Tây	72910
		11	P. Tân Kiểng	72911
		12	P. Tân Hưng	72912
		13	P. Tân Quy	72913
		14	P. Bình Thuận	72914
		15	P. Tân Phong	72915
		16	BCP. Quận 7A	72950
		17	BCP. Quận 7B	72951
		18	BC. TTDVKH Nam Sài Gòn	72952
		19	BCP. Tân Hưng	72953
		20	BC. Phú Mỹ	72956
		21	BC. Tân Thuận Đông	72957
		22	BC. Tân Thuận	72958
		23	BC. Tân Quy Đông	72959
		24	BC. Tân Phong	72960
	21		**QUẬN 8**	
		1	BC. Trung tâm quận 8	73000
		2	Quận ủy	73001
		3	Hội đồng nhân dân	73002
		4	Ủy ban nhân dân	73003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	73004
		6	P. 11	73006
		7	P. 9	73007
		8	P. 8	73008
		9	P. 10	73009
		10	P. 13	73010
		11	P. 12	73011
		12	P. 14	73012

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		13	P. 15	73013
		14	P. 16	73014
		15	P. 7	73015
		16	P. 6	73016
		17	P. 5	73017
		18	P. 4	73018
		19	P. 3	73019
		20	P. 2	73020
		21	P. 1	73021
		22	BCP. Quận 8	73050
		23	BC. Dã Tượng	73052
		24	BC. Chánh Hưng	73053
		25	BC. Rạch Ông	73054
	22		**QUẬN 6**	
		1	BC. Trung tâm quận 6	73100
		2	Quận ủy	73101
		3	Hội đồng nhân dân	73102
		4	Ủy ban nhân dân	73103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	73104
		6	P. 1	73106
		7	P. 2	73107
		8	P. 3	73108
		9	P. 4	73109
		10	P. 5	73110
		11	P. 6	73111
		12	P. 9	73112
		13	P. 8	73113
		14	P. 7	73114
		15	P. 10	73115
		16	P. 11	73116
		17	P. 12	73117
		18	P. 13	73118
		19	P. 14	73119
		20	BC. Minh Phụng	73150
		21	BC. Lý Chiêu Hoàng	73151
		22	BC. Phú Lâm	73152
	23		**HUYỆN NHÀ BÈ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nhà Bè	73200
		2	Huyện ủy	73201
		3	Hội đồng nhân dân	73202
		4	Ủy ban nhân dân	73203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	73204
		6	TT. Nhà Bè	73206
		7	X. Phước Kiển	73207

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		8	X. Phước Lộc	73208
		9	X. Nhơn Đức	73209
		10	X. Phú Xuân	73210
		11	X. Long Thới	73211
		12	X. Hiệp Phước	73212
		13	BCP. Nhà Bè	73250
		14	BC. Phước Kiển	73251
		15	BC. Hiệp Phước	73253
	24		**HUYỆN CẦN GIỜ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cần Giờ	73300
		2	Huyện ủy	73301
		3	Hội đồng nhân dân	73302
		4	Ủy ban nhân dân	73303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	73304
		6	TT. Cần Thạnh	73306
		7	X. Long Hòa	73307
		8	X. Thạnh An	73308
		9	X. Tam Thôn Hiệp	73309
		10	X. Bình Khánh	73310
		11	X. An Thới Đông	73311
		12	X. Lý Nhơn	73312
		13	BCP. Cần Giờ	73350
		14	BCP. Bình Khánh	73351
		15	BC. Cần Thạnh	73352
		16	BC. 30/4	73353
		17	BC. Bình Khánh	73354

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30			**TỈNH HÒA BÌNH**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Hòa Bình	36000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	36001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	36002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	36003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	36004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	36005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	36009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	36010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	36011
		10	Báo Hòa Bình	36016
		11	Hội đồng nhân dân	36021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	36030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	36035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	36036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	36040
		16	Sở Công Thương	36041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	36042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	36043
		19	Sở Ngoại vụ	36044
		20	Sở Tài chính	36045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	36046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	36047
		23	Công an tỉnh	36049
		24	Sở Nội vụ	36051
		25	Sở Tư pháp	36052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	36053
		27	Sở Giao thông vận tải	36054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	36055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	36057
		31	Sở Xây dựng	36058
		32	Sở Y tế	36060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	36061
		34	Ban Dân tộc	36062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	36063
		36	Thanh tra tỉnh	36064
		37	Trường chính trị tỉnh	36065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	36066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	36067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	36070
		41	Cục Thuế	36078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Hải quan	36079
		43	Cục Thống kê	36080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	36081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	36085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	36086
		47	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	36087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	36088
		49	Hội Nông dân tỉnh	36089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	36090
		51	Tỉnh Đoàn	36091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	36092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	36093
	1		**THÀNH PHỐ HÒA BÌNH**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Hòa Bình	36100
		2	Thành ủy	36101
		3	Hội đồng nhân dân	36102
		4	Ủy ban nhân dân	36103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36104
		6	P. Phương Lâm	36106
		7	X. Sủ Ngòi	36107
		8	P. Đồng Tiến	36108
		9	X. Trung Minh	36109
		10	P. Thịnh Lang	36110
		11	P. Tân Hòa	36111
		12	X. Yên Mông	36112
		13	X. Hoà Bình	36113
		14	P. Hữu Nghị	36114
		15	P. Tân Thịnh	36115
		16	X. Thái Thịnh	36116
		17	P. Thái Bình	36117
		18	X. Thống Nhất	36118
		19	P. Chăm Mát	36119
		20	X. Dân Chủ	36120
		21	BCP. Hòa Bình	36150
		22	BC. Phương Lâm	36151
		23	BC. Đồng Tiến	36152
		24	BC. Tân Hòa	36153
		25	BC. Tân Thịnh	36154
		26	BC. Phố Chăm	36155
		27	BC. HCC Hòa Bình	36198
		28	BC. Hệ 1 Hòa Bình	36199
	2		**HUYỆN KỲ SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kỳ Sơn	36200
		2	Huyện ủy	36201

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		3	Hội đồng nhân dân	36202
		4	Ủy ban nhân dân	36203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36204
		6	TT. Kỳ Sơn	36206
		7	X. Dân Hạ	36207
		8	X. Mông Hóa	36208
		9	X. Dân Hòa	36209
		10	X. Phúc Tiến	36210
		11	X. Yên Quang	36211
		12	X. Phú Minh	36212
		13	X. Hợp Thịnh	36213
		14	X. Hợp Thành	36214
		15	X. Độc Lập	36215
		16	BCP. Kỳ Sơn	36230
		17	BC. Bãi Nai	36231
	3		**HUYỆN LƯƠNG SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Lương Sơn	36250
		2	Huyện ủy	36251
		3	Hội đồng nhân dân	36252
		4	Ủy ban nhân dân	36253
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36254
		6	TT. Lương Sơn	36256
		7	X. Hòa Sơn	36257
		8	X. Lâm Sơn	36258
		9	X. Trường Sơn	36259
		10	X. Cao Răm	36260
		11	X. Tân Vinh	36261
		12	X. Nhuận Trạch	36262
		13	X. Cư Yên	36263
		14	X. Hợp Hòa	36264
		15	X. Tiến Sơn	36265
		16	X. Tân Thành	36266
		17	X. Hợp Châu	36267
		18	X. Long Sơn	36268
		19	X. Hợp Thanh	36269
		20	X. Thanh Lương	36270
		21	X. Cao Thắng	36271
		22	X. Cao Dương	36272
		23	X. Trung Sơn	36273
		24	X. Thành Lập	36274
		25	X. Liên Sơn	36275
		26	BCP. Lương Sơn	36285
		27	BC. Bãi Lạng	36286
		28	BC. Chợ Bến	36287

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	4		**HUYỆN ĐÀ BẮC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đà Bắc	36300
		2	Huyện ủy	36301
		3	Hội đồng nhân dân	36302
		4	Ủy ban nhân dân	36303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36304
		6	TT. Đà Bắc	36306
		7	X. Hào Lý	36307
		8	X. Tu Lý	36308
		9	X. Tân Minh	36309
		10	X. Tân Pheo	36310
		11	X. Giáp Đắt	36311
		12	X. Suối Nánh	36312
		13	X. Đồng Nghê	36313
		14	X. Mường Tuổng	36314
		15	X. Mường Chiềng	36315
		16	X. Đồng Chum	36316
		17	X. Đồng Ruộng	36317
		18	X. Đoàn Kết	36318
		19	X. Trung Thành	36319
		20	X. Yên Hòa	36320
		21	X. Tiền Phong	36321
		22	X. Cao Sơn	36322
		23	X. Vầy Nưa	36323
		24	X. Hiền Lương	36324
		25	X. Toàn Sơn	36325
		26	BCP. Đà Bắc	36350
	5		**HUYỆN MAI CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mai Châu	36400
		2	Huyện ủy	36401
		3	Hội đồng nhân dân	36402
		4	Ủy ban nhân dân	36403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36404
		6	TT. Mai Châu	36406
		7	X. Tòng Đậu	36407
		8	X. Ba Khan	36408
		9	X. Tân Mai	36409
		10	X. Tân Dân	36410
		11	X. Phúc Sạn	36411
		12	X. Đồng Bảng	36412
		13	X. Tân Sơn	36413
		14	X. Pà Cò	36414
		15	X. Hang Kia	36415
		16	X. Cun Pheo	36416

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		17	X. Piềng Vế	36417
		18	X. Bao La	36418
		19	X. Nà Mèo	36419
		20	X. Nà Phòn	36420
		21	X. Săm Khòe	36421
		22	X. Mai Hịch	36422
		23	X. Mai Hạ	36423
		24	X. Chiềng Châu	36424
		25	X. Vạn Mai	36425
		26	X. Pù Pin	36426
		27	X. Noong Luông	36427
		28	X. Thung Khe	36428
		29	BCP. Mai Châu	36450
	6		**HUYỆN CAO PHONG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cao Phong	36500
		2	Huyện ủy	36501
		3	Hội đồng nhân dân	36502
		4	Ủy ban nhân dân	36503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36504
		6	TT. Cao Phong	36506
		7	X. Dông Phong	36507
		8	X. Thu Phong	36508
		9	X. Bắc Phong	36509
		10	X. Bình Thanh	36510
		11	X. Thung Nai	36511
		12	X. Tây Phong	36512
		13	X. Tân Phong	36513
		14	X. Dũng Phong	36514
		15	X. Nam Phong	36515
		16	X. Yên Lập	36516
		17	X. Yên Thượng	36517
		18	X. Xuân Phong	36518
		19	BCP. Cao Phong	36530
		20	BC. Nông Trường Cao Phong	36531
	7		**HUYỆN TÂN LẠC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Lạc	36550
		2	Huyện ủy	36551
		3	Hội đồng nhân dân	36552
		4	Ủy ban nhân dân	36553
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36554
		6	TT. Mường Khến	36556
		7	X. Quy Hậu	36557
		8	X. Mỹ Hòa	36558
		9	X. Trung Hòa	36559

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		10	X. Ngòi Hoa	36560
		11	X. Phú Vinh	36561
		12	X. Phú Cường	36562
		13	X. Phong Phú	36563
		14	X. Địch Giáo	36564
		15	X. Tuân Lộ	36565
		16	X. Quy Mỹ	36566
		17	X. Quyết Chiến	36567
		18	X. Bắc Sơn	36568
		19	X. Lũng Vân	36569
		20	X. Nam Sơn	36570
		21	X. Do Nhân	36571
		22	X. Lỗ Sơn	36572
		23	X. Ngổ Luông	36573
		24	X. Gia Mô	36574
		25	X. Ngọc Mỹ	36575
		26	X. Đông Lai	36576
		27	X. Thanh Hối	36577
		28	X. Tử Nê	36578
		29	X. Mãn Đức	36579
		30	BCP. Tân Lạc	36585
		31	BC. Chợ Lồ	36586
	8		**HUYỆN LẠC SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Lạc Sơn	36600
		2	Huyện ủy	36601
		3	Hội đồng nhân dân	36602
		4	Ủy ban nhân dân	36603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36604
		6	TT. Vụ Bản	36606
		7	X. Yên Phú	36607
		8	X. Bình Hẻm	36608
		9	X. Văn Nghĩa	36609
		10	X. Mỹ Thành	36610
		11	X. Quý Hòa	36611
		12	X. Miền Đồi	36612
		13	X. Tuân Dạo	36613
		14	X. Tân Lập	36614
		15	X. Nhân Nghĩa	36615
		16	X. Văn Sơn	36616
		17	X. Xuất Hóa	36617
		18	X. Thượng Cốc	36618
		19	X. Phúc Tuy	36619
		20	X. Phú Lương	36620
		21	X. Chí Thiện	36621

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		22	X. Định Cư	36622
		23	X. Chí Đạo	36623
		24	X. Ngọc Sơn	36624
		25	X. Tự Do	36625
		26	X. Ngọc Lâu	36626
		27	X. Hương Nhượng	36627
		28	X. Liên Vũ	36628
		29	X. Bình Cảng	36629
		30	X. Bình Chân	36630
		31	X. Vũ Lâm	36631
		32	X. Tân Mỹ	36632
		33	X. Ân Nghĩa	36633
		34	X. Yên Nghiệp	36634
		35	BCP. Lạc Sơn	36650
		36	BC. Lâm Hóa	36651
	9		**HUYỆN YÊN THỦY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Yên Thủy	36700
		2	Huyện ủy	36701
		3	Hội đồng nhân dân	36702
		4	Ủy ban nhân dân	36703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36704
		6	TT. Hàng Trạm	36706
		7	X. Yên Lạc	36707
		8	X. Hữu Lợi	36708
		9	X. Bảo Hiệu	36709
		10	X. Lạc Hưng	36710
		11	X. Lạc Lương	36711
		12	X. Lạc Sỹ	36712
		13	X. Đa Phúc	36713
		14	X. Lạc Thịnh	36714
		15	X. Phú Lai	36715
		16	X. Yên Trị	36716
		17	X. Ngọc Lương	36717
		18	X. Đoàn Kết	36718
		19	BCP. Yên Thủy	36750
		20	BC. Đồn Dương	36751
	10		**HUYỆN LẠC THỦY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Lạc Thủy	36800
		2	Huyện ủy	36801
		3	Hội đồng nhân dân	36802
		4	Ủy ban nhân dân	36803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36804
		6	TT. Chi Nê	36806
		7	X. Lạc Long	36807

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		8	X. Cố Nghĩa	36808
		9	X. Phú Lão	36809
		10	X. Phú Thành	36810
		11	TT. Thanh Hà	36811
		12	X. Thanh Nông	36812
		13	X. Hưng Thi	36813
		14	X. Đồng Môn	36814
		15	X. Liên Hòa	36815
		16	X. Khoan Dụ	36816
		17	X. An Lạc	36817
		18	X. An Bình	36818
		19	X. Yên Bồng	36819
		20	X. Đồng Tâm	36820
		21	BCP. Lạc Thủy	36850
		22	BC. Ba Hàng Đồi	36851
	11		**HUYỆN KIM BÔI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kim Bôi	36900
		2	Huyện ủy	36901
		3	Hội đồng nhân dân	36902
		4	Ủy ban nhân dân	36903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	36904
		6	TT. Bo	36906
		7	X. Kim Bình	36907
		8	X. Trung Bì	36908
		9	X. Lập Chiệng	36909
		10	X. Nật Sơn	36910
		11	X. Hùng Tiến	36911
		12	X. Bắc Sơn	36912
		13	X. Bình Sơn	36913
		14	X. Đú Sáng	36914
		15	X. Tú Sơn	36915
		16	X. Vĩnh Tiến	36916
		17	X. Sơn Thủy	36917
		18	X. Thượng Bì	36918
		19	X. Hạ Bì	36919
		20	X. Vĩnh Đồng	36920
		21	X. Đông Bắc	36921
		22	X. Thượng Tiến	36922
		23	X. Hợp Đồng	36923
		24	X. Kim Tiến	36924
		25	X. Kim Bôi	36925
		26	X. Kim Truy	36926
		27	X. Cuối Hạ	36927
		28	X. Nuông Dăm	36928

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		29	X. Mi Hòa	36929
		30	X. Sào Báy	36930
		31	X. Nam Thượng	36931
		32	X. Hợp Kim	36932
		33	X. Kim Sơn	36933
		34	BCP. Kim Bôi	36950
		35	BC. Bãi Chạo	36951
		36	BC. Nam Thượng	36952

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
31			**TỈNH HƯNG YÊN**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Hưng Yên	17000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	17001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	17002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	17003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	17004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	17005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	17009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	17010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	17011
		10	Báo Hưng Yên	17016
		11	Hội đồng nhân dân	17021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	17030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	17035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	17036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	17040
		16	Sở Công Thương	17041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	17042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	17043
		19	Sở Tài chính	17045
		20	Sở Thông tin và Truyền thông	17046
		21	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	17047
		22	Công an tỉnh	17049
		23	Sở Nội vụ	17051
		24	Sở Tư pháp	17052
		25	Sở Giáo dục và Đào tạo	17053
		26	Sở Giao thông vận tải	17054
		27	Sở Khoa học và Công nghệ	17055
		28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17056
		29	Sở Tài nguyên và Môi trường	17057
		30	Sở Xây dựng	17058
		31	Sở Y tế	17060
		32	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	17061
		33	Ban Dân tộc	17062
		34	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	17063
		35	Thanh tra tỉnh	17064
		36	Trường chính trị tỉnh	17065
		37	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	17066
		38	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	17067
		39	Bảo hiểm xã hội tỉnh	17070
		40	Cục Thuế	17078
		41	Cục Hải quan	17079

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Thống kê	17080
		43	Kho bạc Nhà nước tỉnh	17081
		44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	17085
		45	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	17086
		46	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	17087
		47	Liên đoàn Lao động tỉnh	17088
		48	Hội Nông dân tỉnh	17089
		49	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	17090
		50	Tỉnh Đoàn	17091
		51	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	17092
		52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	17093
	1		**THÀNH PHỐ HƯNG YÊN**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Hưng Yên	17100
		2	Thành ủy	17101
		3	Hội đồng nhân dân	17102
		4	Ủy ban nhân dân	17103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17104
		6	P. Hiến Nam	17106
		7	P. An Tảo	17107
		8	P. Lam Sơn	17108
		9	P. Lê Lợi	17109
		10	P. Hồng Châu	17110
		11	P. Minh Khai	17111
		12	P. Quang Trung	17112
		13	X. Bảo Khê	17113
		14	X. Trung Nghĩa	17114
		15	X. Liên Phương	17115
		16	X. Hồng Nam	17116
		17	X. Quảng Châu	17117
		18	X. Phú Cường	17118
		19	X. Hùng Cường	17119
		20	X. Phương Chiểu	17120
		21	X. Tân Hưng	17121
		22	X. Hoàng Hanh	17122
		23	BCP. Hưng Yên	17150
		24	BC. Chợ Gạo	17151
		25	BC. Lê Lợi	17152
		26	BC. Phố Hiến	17153
		27	BC. Dốc Lã	17154
		28	BC. Trung Nghĩa	17155
		29	BC. Hệ 1 Hưng Yên	17199
	2		**HUYỆN TIÊN LỮ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tiên Lữ	17200
		2	Huyện ủy	17201

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		3	Hội đồng nhân dân	17202
		4	Ủy ban nhân dân	17203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17204
		6	TT. Vương	17206
		7	X. Hưng Đạo	17207
		8	X. Ngô Quyền	17208
		9	X. Nhật Tân	17209
		10	X. Dị Chế	17210
		11	X. Lệ Xá	17211
		12	X. An Viên	17212
		13	X. Đức Thắng	17213
		14	X. Trung Dũng	17214
		15	X. Hải Triều	17215
		16	X. Thủ Sỹ	17216
		17	X. Thiện Phiến	17217
		18	X. Thụy Lôi	17218
		19	X. Cương Chính	17219
		20	X. Minh Phương	17220
		21	BCP. Tiên Lữ	17250
		22	BC. Ba Hàng	17251
		23	BC. Thụy Lôi	17252
	3		**HUYỆN PHÙ CỪ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Phù Cừ	17300
		2	Huyện ủy	17301
		3	Hội đồng nhân dân	17302
		4	Ủy ban nhân dân	17303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17304
		6	TT. Trần Cao	17306
		7	X. Minh Tân	17307
		8	X. Phan Sào Nam	17308
		9	X. Quang Hưng	17309
		10	X. Minh Hoàng	17310
		11	X. Đoàn Đào	17311
		12	X. Tống Phan	17312
		13	X. Đình Cao	17313
		14	X. Nhật Quang	17314
		15	X. Tiền Tiến	17315
		16	X. Tam Đa	17316
		17	X. Minh Tiến	17317
		18	X. Nguyên Hòa	17318
		19	X. Tống Trân	17319
		20	BCP. Phù Cừ	17350
		21	BC. Cầu Cáp	17351
		22	BC. Đình Cao	17352

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		23	BC. La Tiến	17353
	4		**HUYỆN ÂN THI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ân Thi	17400
		2	Huyện ủy	17401
		3	Hội đồng nhân dân	17402
		4	Ủy ban nhân dân	17403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17404
		6	TT. Ân Thi	17406
		7	X. Phù Ủng	17407
		8	X. Bắc Sơn	17408
		9	X. Bãi Sậy	17409
		10	X. Đào Dương	17410
		11	X. Tân Phúc	17411
		12	X. Vân Du	17412
		13	X. Quang Vinh	17413
		14	X. Xuân Trúc	17414
		15	X. Hoàng Hoa Thám	17415
		16	X. Quảng Lãng	17416
		17	X. Văn Nhuệ	17417
		18	X. Đặng Lễ	17418
		19	X. Cẩm Ninh	17419
		20	X. Nguyễn Trãi	17420
		21	X. Đa Lộc	17421
		22	X. Hồ Tùng Mậu	17422
		23	X. Tiền Phong	17423
		24	X. Hồng Vân	17424
		25	X. Hồng Quang	17425
		26	X. Hạ Lễ	17426
		27	BCP. Ân Thi	17450
		28	BC. Tân Phúc	17451
		29	BC. Đa Lộc	17452
		30	BC. Chợ Thi	17453
	5		**HUYỆN MỸ HÀO**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mỹ Hào	17500
		2	Huyện ủy	17501
		3	Hội đồng nhân dân	17502
		4	Ủy ban nhân dân	17503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17504
		6	TT. Bần Yên Nhân	17506
		7	X. Phan Đình Phùng	17507
		8	X. Cẩm Xá	17508
		9	X. Dương Quang	17509
		10	X. Hòa Phong	17510
		11	X. Nhân Hòa	17511

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		12	X. Dị Sử	17512
		13	X. Bạch Sam	17513
		14	X. Minh Đức	17514
		15	X. Phùng Chí Kiên	17515
		16	X. Xuân Dục	17516
		17	X. Ngọc Lâm	17517
		18	X. Hưng Long	17518
		19	BCP. Mỹ Hào	17550
		20	BC. Bần	17551
		21	BC. Chợ Thứa	17552
		22	BC. Khu Công Nghiệp	17553
		23	BC. Bạch Sam	17554
	6		**HUYỆN VĂN LÂM**	
		1	BC. Trung tâm huyện Văn Lâm	17600
		2	Huyện ủy	17601
		3	Hội đồng nhân dân	17602
		4	Ủy ban nhân dân	17603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17604
		6	TT. Như Quỳnh	17606
		7	X. Lạc Đạo	17607
		8	X. Chỉ Đạo	17608
		9	X. Đại Đồng	17609
		10	X. Việt Hưng	17610
		11	X. Tân Quang	17611
		12	X. Đình Dù	17612
		13	X. Minh Hải	17613
		14	X. Lương Tài	17614
		15	X. Trưng Trắc	17615
		16	X. Lạc Hồng	17616
		17	BCP. Văn Lâm	17625
		18	BC. KHL-TMĐT Văn Lâm	17626
		19	BC. Như Quỳnh	17627
		20	BC. Lạc Đạo	17628
		21	BC. Đại Đồng	17629
		22	BC. Trưng Trắc	17630
	7		**HUYỆN VĂN GIANG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Văn Giang	17650
		2	Huyện ủy	17651
		3	Hội đồng nhân dân	17652
		4	Ủy ban nhân dân	17653
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17654
		6	TT. Văn Giang	17656
		7	X. Xuân Quan	17657
		8	X. Cửu Cao	17658

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		9	X. Phụng Công	17659
		10	X. Nghĩa Trụ	17660
		11	X. Long Hưng	17661
		12	X. Vĩnh Khúc	17662
		13	X. Liên Nghĩa	17663
		14	X. Tân Tiến	17664
		15	X. Thắng Lợi	17665
		16	X. Mễ Sở	17666
		17	BCP. Văn Giang	17675
		18	BC. Văn Phúc	17676
		19	BC. Long Hưng	17677
		20	BC. Mễ Sở	17678
	8		**HUYỆN YÊN MỸ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Yên Mỹ	17700
		2	Huyện ủy	17701
		3	Hội đồng nhân dân	17702
		4	Ủy ban nhân dân	17703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17704
		6	TT. Yên Mỹ	17706
		7	X. Giai Phạm	17707
		8	X. Nghĩa Hiệp	17708
		9	X. Đồng Than	17709
		10	X. Ngọc Long	17710
		11	X. Liêu Xá	17711
		12	X. Hoàn Long	17712
		13	X. Tân Lập	17713
		14	X. Thanh Long	17714
		15	X. Yên Phú	17715
		16	X. Việt Cường	17716
		17	X. Trung Hòa	17717
		18	X. Yên Hòa	17718
		19	X. Minh Châu	17719
		20	X. Trung Hưng	17720
		21	X. Lý Thường Kiệt	17721
		22	X. Tân Việt	17722
		23	BCP. Yên Mỹ	17750
		24	BC. Trai Trang	17751
		25	BC. Từ Hồ	17752
		26	BC. Minh Châu	17753
	9		**HUYỆN KHOÁI CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Khoái Châu	17800
		2	Huyện ủy	17801
		3	Hội đồng nhân dân	17802
		4	Ủy ban nhân dân	17803

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17804
		6	TT. Khoái Châu	17806
		7	X. Đông Tảo	17807
		8	X. Bình Minh	17808
		9	X. Dạ Trạch	17809
		10	X. Hàm Tử	17810
		11	X. Ông Đình	17811
		12	X. Tân Dân	17812
		13	X. Tứ Dân	17813
		14	X. An Vĩ	17814
		15	X. Đông Kết	17815
		16	X. Bình Kiều	17816
		17	X. Dân Tiến	17817
		18	X. Đồng Tiến	17818
		19	X. Hồng Tiến	17819
		20	X. Tân Châu	17820
		21	X. Liên Khê	17821
		22	X. Phùng Hưng	17822
		23	X. Việt Hòa	17823
		24	X. Đông Ninh	17824
		25	X. Đại Tập	17825
		26	X. Chí Tân	17826
		27	X. Đại Hưng	17827
		28	X. Thuần Hưng	17828
		29	X. Thành Công	17829
		30	X. Nhuế Dương	17830
		31	BCP. Khoái Châu	17850
		32	BC. Đông Tảo	17851
		33	BC. Đông Kết	17852
		34	BC. Bô Thời	17853
		35	BC. Tân Châu	17854
		36	BC. Đại Hưng	17855
		37	BC. Thuần Hưng	17856
	10		**HUYỆN KIM ĐỘNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kim Động	17900
		2	Huyện ủy	17901
		3	Hội đồng nhân dân	17902
		4	Ủy ban nhân dân	17903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	17904
		6	TT. Lương Bằng	17906
		7	X. Nghĩa Dân	17907
		8	X. Toàn Thắng	17908
		9	X. Vĩnh Xá	17909
		10	X. Phạm Ngũ Lão	17910

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		11	X. Thọ Vinh	17911
		12	X. Đồng Thanh	17912
		13	X. Song Mai	17913
		14	X. Chính Nghĩa	17914
		15	X. Nhân La	17915
		16	X. Phú Thịnh	17916
		17	X. Mai Động	17917
		18	X. Đức Hợp	17918
		19	X. Hùng An	17919
		20	X. Ngọc Thanh	17920
		21	X. Vũ Xá	17921
		22	X. Hiệp Cường	17922
		23	BCP. Kim Động	17950
		24	BC. Trương Xá	17951
		25	BC. Thọ Vinh	17952
		26	BC. Đức Hợp	17953
		27	BĐVHX Vân Nghệ	17954

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
32			**TỈNH KHÁNH HÒA**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Khánh Hòa	57000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	57001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	57002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	57003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	57004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	57005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	57009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	57010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	57011
		10	Báo Khánh Hòa	57016
		11	Hội đồng nhân dân	57021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	57030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	57035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	57036
		15	Kiểm toán nhà nước tại khu vực VIII	57037
		16	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	57040
		17	Sở Công Thương	57041
		18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	57042
		19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	57043
		20	Sở Ngoại vụ	57044
		21	Sở Tài chính	57045
		22	Sở Thông tin và Truyền thông	57046
		23	Sở Văn hoá và Thể thao	57047
		24	Sở Du lịch	57048
		25	Công an tỉnh	57049
		26	Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy	57050
		27	Sở Nội vụ	57051
		28	Sở Tư pháp	57052
		29	Sở Giáo dục và Đào tạo	57053
		30	Sở Giao thông vận tải	57054
		31	Sở Khoa học và Công nghệ	57055
		32	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	57056
		33	Sở Tài nguyên và Môi trường	57057
		34	Sở Xây dựng	57058
		35	Sở Y tế	57060
		36	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	57061
		37	Ban Dân tộc	57062
		38	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	57063
		39	Thanh tra tỉnh	57064
		40	Trường chính trị tỉnh	57065
		41	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	57066

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	57067
		43	Bảo hiểm xã hội tỉnh	57070
		44	Cục Thuế	57078
		45	Cục Hải quan	57079
		46	Cục Thống kê	57080
		47	Kho bạc Nhà nước tỉnh	57081
		48	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	57085
		49	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	57086
		50	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	57087
		51	Liên đoàn Lao động tỉnh	57088
		52	Hội Nông dân tỉnh	57089
		53	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	57090
		54	Tỉnh Đoàn	57091
		55	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	57092
		56	Hội Cựu chiến binh tỉnh	57093
	1		**THÀNH PHỐ NHA TRANG**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Nha Trang	57100
		2	Thành ủy	57101
		3	Hội đồng nhân dân	57102
		4	Ủy ban nhân dân	57103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	57104
		6	P. Lộc Thọ	57106
		7	P. Xương Huân	57107
		8	P. Vĩnh Thọ	57108
		9	P. Vĩnh Phước	57109
		10	P. Vĩnh Hải	57110
		11	P. Vĩnh Hòa	57111
		12	X. Vĩnh Lương	57112
		13	X. Vĩnh Phương	57113
		14	X. Vĩnh Ngọc	57114
		15	P. Ngọc Hiệp	57115
		16	P. Vạn Thạnh	57116
		17	P. Vạn Thắng	57117
		18	P. Phương Sài	57118
		19	P. Phương Sơn	57119
		20	X. Vĩnh Hiệp	57120
		21	X. Vĩnh Thạnh	57121
		22	X. Vĩnh Trung	57122
		23	X. Vĩnh Thái	57123
		24	P. Phước Hải	57124
		25	P. Phước Tân	57125
		26	P. Phước Tiến	57126
		27	P. Tân Lập	57127
		28	P. Phước Hòa	57128

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		29	P. Vĩnh Nguyên	57129
		30	P. Vĩnh Trường	57130
		31	P. Phước Long	57131
		32	X. Phước Đồng	57132
		33	BCP. Nha Trang	57150
		34	BC. KHL Nha Trang	57151
		35	BC. TMĐT Nha Trang	57152
		36	BC. Lê Thánh Tôn	57153
		37	BC. Nguyễn Thiện Thuật	57154
		38	BC. Tháp Bà	57155
		39	BC. Đồng Đế	57156
		40	BC. Đường Đệ	57157
		41	BC. Vĩnh Lương	57158
		42	BC. Vạn Thạnh	57159
		43	BC. Phương Sài	57160
		44	BC. Vĩnh Thạnh	57161
		45	BC. Lê Hồng Phong	57162
		46	BC. Tân Lập	57163
		47	BC. Vĩnh Nguyên	57164
		48	BC. Bình Tân	57165
		49	BC. Phước Đồng	57166
		50	BC. Hòn Rớ	57167
		51	BC. Hệ 1 Khánh Hòa	57199
	2		**HUYỆN VẠN NINH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Vạn Ninh	57200
		2	Huyện ủy	57201
		3	Hội đồng nhân dân	57202
		4	Ủy ban nhân dân	57203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	57204
		6	TT. Vạn Giã	57206
		7	X. Vạn Hưng	57207
		8	X. Xuân Sơn	57208
		9	X. Vạn Lương	57209
		10	X. Vạn Phú	57210
		11	X. Vạn Bình	57211
		12	X. Vạn Thắng	57212
		13	X. Vạn Khánh	57213
		14	X. Vạn Long	57214
		15	X. Vạn Phước	57215
		16	X. Đại Lãnh	57216
		17	X. Vạn Thọ	57217
		18	X. Vạn Thạnh	57218
		19	BCP. Vạn Ninh	57250
		20	BC. Xuân Tự	57251

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		21	BC. Đại Lãnh	57252
		22	BC. Vạn Thọ	57253
	3		**THỊ XÃ NINH HÒA**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Ninh Hòa	57300
		2	Thị ủy	57301
		3	Hội đồng nhân dân	57302
		4	Ủy ban nhân dân	57303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	57304
		6	P. Ninh Hiệp	57306
		7	X. Ninh Thân	57307
		8	X. Ninh Phụng	57308
		9	X. Ninh Xuân	57309
		10	X. Ninh Bình	57310
		11	X. Ninh Quang	57311
		12	P. Ninh Giang	57312
		13	P. Ninh Hà	57313
		14	X. Ninh Lộc	57314
		15	X. Ninh Ích	57315
		16	X. Ninh Hưng	57316
		17	X. Ninh Tân	57317
		18	X. Ninh Sim	57318
		19	X. Ninh Tây	57319
		20	X. Ninh Thượng	57320
		21	X. Ninh Sơn	57321
		22	X. Ninh An	57322
		23	X. Ninh Trung	57323
		24	X. Ninh Đông	57324
		25	P. Ninh Đa	57325
		26	X. Ninh Thọ	57326
		27	P. Ninh Hải	57327
		28	P. Ninh Diêm	57328
		29	P. Ninh Thủy	57329
		30	X. Ninh Phú	57330
		31	X. Ninh Phước	57331
		32	X. Ninh Vân	57332
		33	BCP. Ninh Hòa	57350
		34	BC. KHL Ninh Hòa	57351
		35	BC. Ngã Ba Trong	57352
		36	BC. Ninh Xuân	57353
		37	BC. Ninh Ích	57354
		38	BC. Dục Mỹ	57355
		39	BC. Lạc An	57356
		40	BC. Hòn Khói	57357
		41	BC. Ninh Phước	57358

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	4		**HUYỆN KHÁNH VĨNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Khánh Vĩnh	57400
		2	Huyện ủy	57401
		3	Hội đồng nhân dân	57402
		4	Ủy ban nhân dân	57403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	57404
		6	TT. Khánh Vĩnh	57406
		7	X. Sông Cầu	57407
		8	X. Khánh Phú	57408
		9	X. Khánh Thành	57409
		10	X. Cầu Bà	57410
		11	X. Liên Sang	57411
		12	X. Sơn Thái	57412
		13	X. Giang Ly	57413
		14	X. Khánh Thượng	57414
		15	X. Khánh Nam	57415
		16	X. Khánh Trung	57416
		17	X. Khánh Hiệp	57417
		18	X. Khánh Bình	57418
		19	X. Khánh Đông	57419
		20	BCP. Khánh Vĩnh	57450
	5		**HUYỆN DIÊN KHÁNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Diên Khánh	57500
		2	Huyện ủy	57501
		3	Hội đồng nhân dân	57502
		4	Ủy ban nhân dân	57503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	57504
		6	TT. Diên Khánh	57506
		7	X. Diên Phú	57507
		8	X. Diên Điền	57508
		9	X. Diên Sơn	57509
		10	X. Diên Lâm	57510
		11	X. Diên Xuân	57511
		12	X. Diên Đồng	57512
		13	X. Diên Thọ	57513
		14	X. Diên Tân	57514
		15	X. Suối Tiên	57515
		16	X. Diên Lộc	57516
		17	X. Diên Hòa	57517
		18	X. Diên Phước	57518
		19	X. Diên Lạc	57519
		20	X. Diên Thạnh	57520
		21	X. Diên Bình	57521
		22	X. Suối Hiệp	57522

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		23	X. Diên Toàn	57523
		24	X. Diên An	57524
		25	BCP. Diên Khánh	57530
		26	BC. Ngã Ba Thành	57531
		27	BC. Diên Xuân	57532
		28	BC. Diên Phước	57533
		29	BC. Suối Hiệp	57534
	6		**HUYỆN KHÁNH SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Khánh Sơn	57550
		2	Huyện ủy	57551
		3	Hội đồng nhân dân	57552
		4	Ủy ban nhân dân	57553
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	57554
		6	TT. Tô Hạp	57556
		7	X. Ba Cụm Bắc	57557
		8	X. Ba Cụm Nam	57558
		9	X. Sơn Bình	57559
		10	X. Thành Sơn	57560
		11	X. Sơn Lâm	57561
		12	X. Sơn Hiệp	57562
		13	X. Sơn Trung	57563
		14	BCP. Khánh Sơn	57575
	7		**HUYỆN CAM LÂM**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cam Lâm	57600
		2	Huyện ủy	57601
		3	Hội đồng nhân dân	57602
		4	Ủy ban nhân dân	57603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	57604
		6	TT. Cam Đức	57606
		7	X. Cam Hiệp Bắc	57607
		8	X. Cam Hiệp Nam	57608
		9	X. Cam Thành Bắc	57609
		10	X. Cam An Nam	57610
		11	X. Cam An Bắc	57611
		12	X. Cam Phước Tây	57612
		13	X. Sơn Tân	57613
		14	X. Cam Hải Tây	57614
		15	X. Cam Hải Đông	57615
		16	X. Cam Hòa	57616
		17	X. Cam Tân	57617
		18	X. Suối Tân	57618
		19	X. Suối Cát	57619
		20	BCP. Cam Lâm	57650
		21	BC. Cam An Nam	57651

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		22	BC. Cam Hòa	57652
		23	BC. Suối Tân	57653
		24	BC. Suối Dầu	57654
	8		**THÀNH PHỐ CAM RANH**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Cam Ranh	57800
		2	Thành ủy	57801
		3	Hội đồng nhân dân	57802
		4	Ủy ban nhân dân	57803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	57804
		6	P. Cam Phú	57806
		7	P. Cam Lộc	57807
		8	P. Cam Thuận	57808
		9	P. Cam Linh	57809
		10	P. Cam Lợi	57810
		11	P. Ba Ngòi	57811
		12	X. Cam Phước Đông	57812
		13	X. Cam Thịnh Tây	57813
		14	X. Cam Thịnh Đông	57814
		15	X. Cam Lập	57815
		16	X. Cam Bình	57816
		17	P. Cam Nghĩa	57817
		18	X. Cam Thành Nam	57818
		19	P. Cam Phúc Bắc	57819
		20	P. Cam Phúc Nam	57820
		21	BCP. Cam Ranh	57850
		22	BC. Cam Phú	57851
		23	BC. Cam Phước Đông	57852
		24	BC. Mỹ Thanh	57853
		25	BC. Mỹ Ca	57854
		26	BC. Cam Phúc Nam	57855
		27	BC. Cam Phúc	57856
		28	BĐVHX Bình Hưng	57857
		29	BC. KHL-HCC Cam Ranh	57898
	9		**HUYỆN TRƯỜNG SA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Trường Sa	57900
		2	Huyện ủy	57901
		3	Hội đồng nhân dân	57902
		4	Ủy ban nhân dân	57903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	57904
		6	TT. Trường Sa	57906
		7	X. Sinh Tồn	57907
		8	X. Song Tử Tây	57908
		9	BCP. Trường Sa	57950
		10	BC. Trường Sa	57951

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		11	BĐVH Đảo Trường Sa	57952
		12	BĐVH Đảo Sinh Tồn	57953

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33			**TỈNH KIÊN GIANG**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Kiên Giang	91000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	91001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	91002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	91003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	91004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	91005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	91009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	91010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	91011
		10	Báo Kiên Giang	91016
		11	Hội đồng nhân dân	91021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	91030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	91035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	91036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	91040
		16	Sở Công Thương	91041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	91042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	91043
		19	Sở Ngoại vụ	91044
		20	Sở Tài chính	91045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	91046
		22	Sở Văn hoá và Thể thao	91047
		23	Sở Du lịch	91048
		24	Công an tỉnh	91049
		25	Sở Nội vụ	91051
		26	Sở Tư pháp	91052
		27	Sở Giáo dục và Đào tạo	91053
		28	Sở Giao thông vận tải	91054
		29	Sở Khoa học và Công nghệ	91055
		30	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	91056
		31	Sở Tài nguyên và Môi trường	91057
		32	Sở Xây dựng	91058
		33	Sở Y tế	91060
		34	Bộ chỉ huy Quân sự	91061
		35	Ban Dân tộc	91062
		36	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	91063
		37	Thanh tra tỉnh	91064
		38	Trường chính trị tỉnh	91065
		39	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	91066
		40	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	91067
		41	Bảo hiểm xã hội tỉnh	91070

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		42	Cục Thuế	91078
		43	Cục Hải quan	91079
		44	Cục Thống kê	91080
		45	Kho bạc Nhà nước tỉnh	91081
		46	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	91085
		47	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	91086
		48	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	91087
		49	Liên đoàn Lao động tỉnh	91088
		50	Hội Nông dân tỉnh	91089
		51	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	91090
		52	Tỉnh đoàn	91091
		53	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	91092
		54	Hội Cựu chiến binh tỉnh	91093
	1		**THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Rạch Giá	91100
		2	Thành ủy	91101
		3	Hội đồng nhân dân	91102
		4	Ủy ban nhân dân	91103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91104
		6	P. Vĩnh Thanh Vân	91106
		7	P. Vĩnh Thanh	91107
		8	P. Vĩnh Quang	91108
		9	X. Phi Thông	91109
		10	P. Vĩnh Thông	91110
		11	P. Vĩnh Hiệp	91111
		12	P. Vĩnh Bảo	91112
		13	P. Vĩnh Lạc	91113
		14	P. An Hòa	91114
		15	P. Rạch Sỏi	91115
		16	P. Vĩnh Lợi	91116
		17	P. An Bình	91117
		18	BCP. Rạch Giá	91150
		19	BCP. COD Rạch Giá	91151
		20	BC. KHL Kiên Giang	91152
		21	BC. Bến Tàu Phú Quốc	91153
		22	BC. Huỳnh Thúc Kháng	91154
		23	BC. Nguyễn Thái Bình	91155
		24	BC. Quang Trung	91156
		25	BC. Vĩnh Hiệp	91157
		26	BC. An Hòa	91158
		27	BC. Mai Thị Hồng Hạnh	91159
		28	BC. Rạch Sỏi	91160
		29	BC. HCC thành phố Rạch Giá	91196
		30	BC. Hệ 1 Rạch Giá	91197
		31	BC. HCC Kiên Giang	91198

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		32	BC. Hệ 1 Kiên Giang	91199
	2		**HUYỆN TÂN HIỆP**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Hiệp	91200
		2	Huyện ủy	91201
		3	Hội đồng nhân dân	91202
		4	Ủy ban nhân dân	91203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91204
		6	TT. Tân Hiệp	91206
		7	X. Tân Hiệp B	91207
		8	X. Tân Hoà	91208
		9	X. Tân Thành	91209
		10	X. Tân Hội	91210
		11	X. Tân An	91211
		12	X. Tân Hiệp A	91212
		13	X. Thạnh Trị	91213
		14	X. Thạnh Đông A	91214
		15	X. Thạnh Đông	91215
		16	X. Thạnh Đông B	91216
		17	BCP. Tân Hiệp	91250
		18	BC. Tân Thành	91251
		19	BC. Thạnh Trị	91252
		20	BC. Kinh Tám	91253
		21	BC. KHL Tân Hiệp	91254
	3		**HUYỆN HÒN ĐẤT**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hòn Đất	91300
		2	Huyện ủy	91301
		3	Hội đồng nhân dân	91302
		4	Ủy ban nhân dân	91303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91304
		6	TT. Hòn Đất	91306
		7	X. Mỹ Thái	91307
		8	X. Nam Thái Sơn	91308
		9	X. Bình Sơn	91309
		10	X. Bình Giang	91310
		11	X. Lình Huỳnh	91311
		12	X. Thổ Sơn	91312
		13	X. Sơn Kiên	91313
		14	X. Sơn Bình	91314
		15	TT. Sóc Sơn	91315
		16	X. Mỹ Lâm	91316
		17	X. Mỹ Phước	91317
		18	X. Mỹ Hiệp Sơn	91318
		19	X. Mỹ Thuận	91319
		20	BCP. Hòn Đất	91350
		21	BC. Bình Sơn	91351

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		22	BC. Sóc Xòai	91352
		23	BĐVHX Kiên Hảo	91353
		24	BĐVHX Hiệp Hòa	91354
	4		**HUYỆN GIANG THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Giang Thành	91400
		2	Huyện ủy	91401
		3	Hội đồng nhân dân	91402
		4	Ủy ban nhân dân	91403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91404
		6	X. Tân Khánh Hòa	91406
		7	X. Phú Lợi	91407
		8	X. Vĩnh Điều	91408
		9	X. Phú Mỹ	91409
		10	X. Vĩnh Phú	91410
		11	BCP. Giang Thành	91450
		12	BĐVHX Trần Thệ	91451
	5		**THỊ XÃ HÀ TIÊN**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Hà Tiên	91500
		2	Thị ủy	91501
		3	Hội đồng nhân dân	91502
		4	Ủy ban nhân dân	91503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91504
		6	P. Đông Hồ	91506
		7	P. Bình San	91507
		8	X. Mỹ Đức	91508
		9	P. Pháo Đài	91509
		10	P. Tô Châu	91510
		11	X. Tiên Hải	91511
		12	X. Thuận Yên	91512
		13	BCP. Hà Tiên	91550
	6		**HUYỆN KIÊN LƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kiên Lương	91600
		2	Huyện ủy	91601
		3	Hội đồng nhân dân	91602
		4	Ủy ban nhân dân	91603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91604
		6	TT. Kiên Lương	91606
		7	X. Kiên Bình	91607
		8	X. Hòa Điền	91608
		9	X. Dương Hòa	91609
		10	X. Bình An	91610
		11	X. Bình Trị	91611
		12	X. Sơn Hải	91612
		13	X. Hòn Nghệ	91613
		14	BCP. Kiên Lương	91650

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		15	BC. Ba Hòn	91651
		16	BC. Bình An	91652
		17	BĐVHX Cờ Trắng	91653
		18	BĐVHX Kênh Chín	91654
	7		**HUYỆN CHÂU THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Châu Thành	91700
		2	Huyện ủy	91701
		3	Hội đồng nhân dân	91702
		4	Ủy ban nhân dân	91703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91704
		6	TT. Minh Lương	91706
		7	X. Giục Tượng	91707
		8	X. Mong Thọ B	91708
		9	X. Mong Thọ	91709
		10	X. Mong Thọ A	91710
		11	X. Thạnh Lộc	91711
		12	X. Vĩnh Hòa Hiệp	91712
		13	X. Vĩnh Hoà Phú	91713
		14	X. Bình An	91714
		15	X. Minh Hòa	91715
		16	BCP. Châu Thành	91750
		17	BC. Mong Thọ B	91751
		18	BC. Đại học Kiên Giang	91752
		19	BĐVHX Minh Hưng	91753
		20	BĐVHX Thạnh Lợi	91754
	8		**HUYỆN AN BIÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện An Biên	91800
		2	Huyện ủy	91801
		3	Hội đồng nhân dân	91802
		4	Ủy ban nhân dân	91803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91804
		6	TT. Thứ Ba	91806
		7	X. Hưng Yên	91807
		8	X. Tây Yên A	91808
		9	X. Tây Yên	91809
		10	X. Nam Yên	91810
		11	X. Nam Thái	91811
		12	X. Nam Thái A	91812
		13	X. Đông Thái	91813
		14	X. Đông Yên	91814
		15	BCP. An Biên	91850
		16	BC. Thứ 7	91851
	9		**HUYỆN AN MINH**	
		1	BC. Trung tâm huyện An Minh	91900
		2	Huyện ủy	91901

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		3	Hội đồng nhân dân	91902
		4	Ủy ban nhân dân	91903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	91904
		6	TT. Thứ Mười Một	91906
		7	X. Đông Thạnh	91907
		8	X. Đông Hòa	91908
		9	X. Thuận Hoà	91909
		10	X. Tân Thạnh	91910
		11	X. Đông Hưng A	91911
		12	X. Vân Khánh Đông	91912
		13	X. Vân Khánh	91913
		14	X. Vân Khánh Tây	91914
		15	X. Đông Hưng B	91915
		16	X. Đông Hưng	91916
		17	BCP. An Minh	91950
	10		**HUYỆN U MINH THƯỢNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện U Minh Thượng	92000
		2	Huyện ủy	92001
		3	Hội đồng nhân dân	92002
		4	Ủy ban nhân dân	92003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92004
		6	X. An Minh Bắc	92006
		7	X. Minh Thuận	92007
		8	X. Vĩnh Hòa	92008
		9	X. Hoà Chánh	92009
		10	X. Thạnh Yên	92010
		11	X. Thạnh Yên A	92011
		12	BCP. U Minh Thượng	92050
	11		**HUYỆN VĨNH THUẬN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Vĩnh Thuận	92100
		2	Huyện ủy	92101
		3	Hội đồng nhân dân	92102
		4	Ủy ban nhân dân	92103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92104
		6	TT. Vĩnh Thuận	92106
		7	X. Phong Đông	92107
		8	X. Vĩnh Bình Nam	92108
		9	X. Vĩnh Bình Bắc	92109
		10	X. Bình Minh	92110
		11	X. Tân Thuận	92111
		12	X. Vĩnh Thuận	92112
		13	X. Vĩnh Phong	92113
		14	BCP. Vĩnh Thuận	92150
		15	BĐVHX Ba Đình	92151
		16	BĐVHX Bình Minh	92152

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		17	BĐVHX Đập Đá	92153
	12		**HUYỆN GÒ QUAO**	
		1	BC. Trung tâm huyện Gò Quao	92200
		2	Huyện ủy	92201
		3	Hội đồng nhân dân	92202
		4	Ủy ban nhân dân	92203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92204
		6	TT. Gò Quao	92206
		7	X. Vĩnh Hòa Hưng Nam	92207
		8	X. Vĩnh Hòa Hưng Bắc	92208
		9	X. Định An	92209
		10	X. Định Hòa	92210
		11	X. Thới Quản	92211
		12	X. Thủy Liễu	92212
		13	X. Vĩnh Phước A	92213
		14	X. Vĩnh Phước B	92214
		15	X. Vĩnh Thắng	92215
		16	X. Vĩnh Tuy	92216
		17	BCP. Gò Quao	92250
		18	BĐVHX Thới An	92251
	13		**HUYỆN GIỒNG RIỀNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Giồng Riềng	92300
		2	Huyện ủy	92301
		3	Hội đồng nhân dân	92302
		4	Ủy ban nhân dân	92303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92304
		6	TT. Giồng Riềng	92306
		7	X. Ngọc Thành	92307
		8	X. Thạnh Hưng	92308
		9	X. Thạnh Bình	92309
		10	X. Thạnh Hòa	92310
		11	X. Bàn Tân Định	92311
		12	X. Bàn Thạch	92312
		13	X. Long Thạnh	92313
		14	X. Vĩnh Thạnh	92314
		15	X. Vĩnh Phú	92315
		16	X. Hòa Thuận	92316
		17	X. Ngọc Chúc	92317
		18	X. Ngọc Hoà	92318
		19	X. Hoà An	92319
		20	X. Hòa Hưng	92320
		21	X. Hoà Lợi	92321
		22	X. Ngọc Thuận	92322
		23	X. Thạnh Lộc	92323
		24	X. Thạnh Phước	92324

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		25	BCP. Giồng Riềng	92350
		26	BC. Long Thạnh	92351
	14		**HUYỆN KIÊN HẢI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kiên Hải	92400
		2	Huyện ủy	92401
		3	Hội đồng nhân dân	92402
		4	Ủy ban nhân dân	92403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92404
		6	X. Hòn Tre	92406
		7	X. Lại Sơn	92407
		8	X. An Sơn	92408
		9	X. Nam Du	92409
		10	BCP. Kiên Hải	92450
		11	BC. Bãi Nhà A	92451
		12	BC. An Sơn	92452
		13	BC. Hòn Ngang	92453
	15		**HUYỆN PHÚ QUỐC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Phú Quốc	92500
		2	Huyện ủy	92501
		3	Hội đồng nhân dân	92502
		4	Ủy ban nhân dân	92503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	92504
		6	TT. Dương Đông	92506
		7	X. Cửa Dương	92507
		8	X. Cửa Cạn	92508
		9	X. Dương Tơ	92509
		10	X. Hàm Ninh	92510
		11	X. Bãi Thơm	92511
		12	X. Gành Dầu	92512
		13	TT. An Thới	92513
		14	X. Hòn Thơm	92514
		15	X. Thổ Châu	92515
		16	BCP. Phú Quốc	92550
		17	BC. Gành Dầu	92551
		18	BC. An Thới	92552
		19	BC. Hòn Thơm	92553
		20	BC. Thổ Châu	92554
		21	BĐVHX Ông Lang	92555
		22	BĐVHX Bến Tràm	92556
		23	BĐVHX Suối Lớn	92557
		24	BĐVHX Bãi Bổn	92558
		25	BĐVHX Bãi Vòng	92559
		26	BĐVHX Cây Sao	92560
		27	BĐVHX Rạch Tràm	92561
		28	BĐVHX Xà Lực	92562

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
34			**TỈNH KON TUM**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Kon Tum	60000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	60001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	60002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	60003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	60004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	60005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	60009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	60010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	60011
		10	Báo Kon Tum	60016
		11	Hội đồng nhân dân	60021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	60030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	60035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	60036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	60040
		16	Sở Công Thương	60041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	60042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	60043
		19	Sở Ngoại vụ	60044
		20	Sở Tài chính	60045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	60046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	60047
		23	Công an tỉnh	60049
		24	Sở Nội vụ	60051
		25	Sở Tư pháp	60052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	60053
		27	Sở Giao thông vận tải	60054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	60055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	60057
		31	Sở Xây dựng	60058
		32	Sở Y tế	60060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	60061
		34	Ban Dân tộc	60062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	60063
		36	Thanh tra tỉnh	60064
		37	Trường chính trị tỉnh	60065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	60066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	60067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	60070
		41	Cục Thuế	60078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Chi Cục Hải quan	60079
		43	Cục Thống kê	60080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	60081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	60085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	60086
		47	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	60087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	60088
		49	Hội Nông dân tỉnh	60089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	60090
		51	Tỉnh Đoàn	60091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	60092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	60093
	1		**THÀNH PHỐ KON TUM**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Kon Tum	60100
		2	Thành ủy	60101
		3	Hội đồng nhân dân	60102
		4	Ủy ban nhân dân	60103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60104
		6	P. Quyết Thắng	60106
		7	P. Quang Trung	60107
		8	P. Thắng Lợi	60108
		9	P. Trường Chinh	60109
		10	P. Duy Tân	60110
		11	P. Ngô Mây	60111
		12	P. Nguyễn Trãi	60112
		13	P. Trần Hưng Đạo	60113
		14	P. Lê Lợi	60114
		15	P. Thống Nhất	60115
		16	X. Đăk Rơ Wa	60116
		17	X. Đăk Blà	60117
		18	X. Đăk Cấm	60118
		19	X. Vinh Quang	60119
		20	X. Ngọk Bay	60120
		21	X. Kroong	60121
		22	X. Đăk Năng	60122
		23	X. Đoàn Kết	60123
		24	X. Ia Chim	60124
		25	X. Hòa Bình	60125
		26	X. Chư Hreng	60126
		27	BCP. Kon Tum	60150
		28	BC. Bến Xe	60151
		29	BC. Duy Tân	60152
		30	BC. Phan Đình Phùng	60153
		31	BC. Trung Tín	60154

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		32	BC. Hoà Bình	60155
		33	BC. HCC Kon Tum	60198
		34	BC. Hệ 1 Kon Tum	60199
	2		**HUYỆN KON RẪY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kon Rẫy	60200
		2	Huyện ủy	60201
		3	Hội đồng nhân dân	60202
		4	Ủy ban nhân dân	60203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60204
		6	TT. Đắk Rve	60206
		7	X. Đắk Kôi	60207
		8	X. Đắk Tơ Lung	60208
		9	X. Đắk Tờ Re	60209
		10	X. Đắk Ruồng	60210
		11	X. Tân Lập	60211
		12	X. Đắk Pne	60212
		13	BCP. Kon Rẫy	60225
		14	BC. Đắk Ruồng	60226
	3		**HUYỆN KON PLÔNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kon Plông	60250
		2	Huyện ủy	60251
		3	Hội đồng nhân dân	60252
		4	Ủy ban nhân dân	60253
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60254
		6	X. Đắk Long	60256
		7	X. Hiếu	60257
		8	X. Pờ Ê	60258
		9	X. Ngok Tem	60259
		10	X. Đắk Ring	60260
		11	X. Đắk Nên	60261
		12	X. Măng Bút	60262
		13	X. Đắk Tăng	60263
		14	X. Măng Cành	60264
		15	BCP. Kon Plông	60275
		16	BC. Măng Đen	60276
	4		**HUYỆN TU MƠ RÔNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tu Mơ Rông	60300
		2	Huyện ủy	60301
		3	Hội đồng nhân dân	60302
		4	Ủy ban nhân dân	60303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60304
		6	X. Đắk Hà	60306
		7	X. Tu Mơ Rông	60307
		8	X. Ngọc Yêu	60308

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		9	X. Văn Xuôi	60309
		10	X. Ngọc Lây	60310
		11	X. Măng Ri	60311
		12	X. Đắk Na	60312
		13	X. Đắk Sao	60313
		14	X. Tê Xăng	60314
		15	X. Đắk Rơ Ông	60315
		16	X. Đắk Tơ Kan	60316
		17	BCP. Tu Mơ Rông	60350
	5		**HUYỆN ĐẮK GLEI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đắk Glei	60400
		2	Huyện ủy	60401
		3	Hội đồng nhân dân	60402
		4	Ủy ban nhân dân	60403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60404
		6	TT. Đắk Glei	60406
		7	X. Xốp	60407
		8	X. Ngọc Linh	60408
		9	X. Mường Hoong	60409
		10	X. Đắk Choong	60410
		11	X. Đắk Man	60411
		12	X. Đắk Plô	60412
		13	X. Đắk Nhoong	60413
		14	X. Đắk Pét	60414
		15	X. Đắk KRoong	60415
		16	X. Đắk Môn	60416
		17	X. Đắk Long	60417
		18	BCP. Đắk Glei	60450
	6		**HUYỆN NGỌC HỒI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ngọc Hồi	60500
		2	Huyện ủy	60501
		3	Hội đồng nhân dân	60502
		4	Ủy ban nhân dân	60503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60504
		6	TT. Plei Cần	60506
		7	X. Đắk Ang	60507
		8	X. Đắk Dục	60508
		9	X. Đắk Nông	60509
		10	X. Đắk Xú	60510
		11	X. Pờ Y	60511
		12	X. Đắk Kan	60512
		13	X. Sa Loong	60513
		14	BCP. Ngọc Hồi	60550
	7		**HUYỆN ĐẮK HÀ**	

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		1	BC. Trung tâm huyện Đắk Hà	60600
		2	Huyện ủy	60601
		3	Hội đồng nhân dân	60602
		4	Ủy ban nhân dân	60603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60604
		6	TT. Đắk Hà	60606
		7	X. Đăk Ngọk	60607
		8	X. Đắk PXi	60608
		9	X. Đắk Ui	60609
		10	X. Đăk Long	60610
		11	X. Đắk HRing	60611
		12	X. Đắk Mar	60612
		13	X. Hà Mòn	60613
		14	X. Đắk La	60614
		15	X. Ngok Wang	60615
		16	X. Ngok Réo	60616
		17	BCP. Đắk Hà	60625
	8		**HUYỆN ĐẮK TÔ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đắk Tô	60650
		2	Huyện ủy	60651
		3	Hội đồng nhân dân	60652
		4	Ủy ban nhân dân	60653
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60654
		6	TT. Đắk Tô	60656
		7	X. Kon Đào	60657
		8	X. Văn Lem	60658
		9	X. Đắk Trăm	60659
		10	X. Đắk Rơ Nga	60660
		11	X. Ngọk Tụ	60661
		12	X. Tân Cảnh	60662
		13	X. Pô Kô	60663
		14	X. Diên Bình	60664
		15	BCP. Đắk Tô	60675
	9		**HUYỆN SA THẦY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sa Thầy	60700
		2	Huyện ủy	60701
		3	Hội đồng nhân dân	60702
		4	Ủy ban nhân dân	60703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60704
		6	TT. Sa Thầy	60706
		7	X. Sa Nghĩa	60707
		8	X. Hơ Moong	60708
		9	X. Sa Nhơn	60709
		10	X. Rơ Kơi	60710

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		11	X. Mô Rai	60711
		12	X. Sa Sơn	60712
		13	X. Ya Xiêr	60713
		14	X. Sa Bình	60714
		15	X. Ya ly	60715
		16	X. Ya Tăng	60716
		17	BCP. Sa Thầy	60750
		18	BC. Ia H'Drai	60751
	10		**HUYỆN IA H'DRAI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ia H'Drai	60800
		2	Huyện ủy	60801
		3	Hội đồng nhân dân	60802
		4	Ủy ban nhân dân	60803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	60804
		6	X. Ia Tơi	60806
		7	X. Ia Dom	60807
		8	X. Ia Đal	60808
		9	BCP. Ia H'Drai	60850

(Xem tiếp Công báo số 577 + 578)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng